

SỐ 420

## KINH BỒ-TÁT TỰ TẠI VƯƠNG

*Hán dịch: Đời Dao Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập.*

### QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, nơi rừng Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo hai vạn người. Các Đại Bồ-tát đều là những vị Nhất sinh bổ xứ. Tên của các vị là: Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Sư Tử Tướng, Bồ-tát Đại Tướng, những bậc thượng thủ như vậy, gồm một vạn người.

Khi ấy, cả đại chúng vây quanh cung kính, cúng dường Đức Thế Tôn, vì chúng sinh phát tâm Đại thừa mà diễn nói kinh điển.

Lúc đó, trong chúng có một Bồ-tát tên là Tự Tại Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, bày áo vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con có những điều muốn hỏi, nếu Thế Tôn cho phép, con mới dám hỏi.

Phật bảo Tự Tại Vương:

–Ông có điều muốn hỏi, lẽ nào ta lại không cho. Vậy ông cứ tùy ý hỏi. Ta sẽ vì ông mà giảng thuyết, khiến ông được hiểu rõ.

Được Phật cho phép, Bồ-tát Tự Tại Vương vui mừng không xiết, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát ở trong pháp Đại thừa được hạnh tự tại; có thể vì người diễn nói pháp này; dùng lực tự tại để chế ngự quân ma, những người tăng thượng mạn, các ngoại đạo tà kiến và những kẻ tham trước; để cho họ trụ vào Đại thừa đại nguyện được trọn vẹn, thành tựu giới hạnh và mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật khen Tự Tại Vương:

–Hay thay, hay thay! Ông có thể hỏi Như Lai điều này, vậy nay ông hãy nhất tâm suy nghĩ và lắng nghe, ta sẽ vì ông mà giảng về việc ông vừa mới hỏi: “Các Bồ-tát làm thế nào để khiến chúng sinh trụ vào Đại thừa, đại nguyện được trọn vẹn, thành tựu giới hạnh và mau đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Bồ-tát Tự Tại Vương thọ giáo lắng nghe.

Phật bảo Tự Tại Vương:

–Các Đại Bồ-tát có bốn pháp tự tại, nhờ vào các pháp này, được hạnh tự tại, khiến chúng sinh trụ vào Đại thừa.

1. Giới tự tại.
2. Thân thông tự tại.
3. Trí tự tại.
4. Tuệ tự tại.

Giới tự tại nghĩa là Đại Bồ-tát hành giới đầy đủ, không hủy phạm, không thiếu sót, không xuyên lậu, không nhớ, không sợ đắc, không hối tiếc, không quả trách, không phiền não. Giới tùy thuận đạo, được người trí khen ngợi; giới giáo hóa chúng sinh; giới hộ trì chánh pháp, giới hoan hỷ, giới không nương vào chỗ của chúng sinh, giới kiên trụ vào định; giới tùy thuận tuệ, giới tin hiểu pháp sâu xa, giới thân thông không thoái chuyển, giới không, vô tướng, vô tác, giới tịch diệt, giới nắm giữ pháp Phật; giới diễn nói pháp Phật, giới không rời bỏ tất cả chúng sinh, giới bảo vệ từ, giới lấy đại Bi làm gốc, giới niềm tin thanh tịnh, giới oai nghi không bị lay chuyển, giới Đầu-đà tế hạnh, giới tùy thuận phước điền, giới thanh tịnh rốt ráo, giới không đoan hạt giống Phật, giới hộ trì hạt giống pháp, giới khai thị Thánh chúng, giới an trụ tâm Bồ-đề, giới hỗ trợ sáu pháp Ba-la-mật, giới tu bốn Niệm xứ, giới tu bốn Chánh cần, bốn Như ý túc,

năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám Chánh đạo; giới có khả năng phát sinh tất cả pháp hỗ trợ Bồ-đề.

Này Tự Tại Vương! Nếu Bồ-tát thọ trì giới đầy đủ như vậy thì sở nguyện đều thành tựu. Nếu Bồ-tát trì giới thanh tịnh như vậy lúc tam thiên đại thiên thế giới gặp kiếp hỏa tai thiêu sạch, Bồ-tát muốn này dập tắt lửa, liền nói: “Lửa hãy tắt” thì lửa tắt ngay tức khắc. Bồ-tát muốn khiến tam thiên đại thiên thế giới thành nước, muốn khiến tam thiên đại thiên thế giới mưa khắp các loại hoa, muốn khiến tam thiên đại thiên thế giới đều là châu báu, muốn các núi Tu-di trong hằng hà sa thế giới hợp lại làm một núi, muốn các biển cả trong hằng hà sa thế giới làm thành một biển thì tất cả đều được như ý, không việc gì mà không thành. Nhờ sức trì giới, nên sở nguyện đều được thành tựu, thân lực đều xứng ý. Bồ-tát an lập giới như vậy, được lực tự tại như vậy, là do trì giới thanh tịnh, cho nên mọi thâm nguyện đều được thành tựu rất ráo, cho đến đạt quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tự Tại Vương! Thuở xưa, hơn vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, có Đức Phật hiệu là Tịnh Minh Quang Vương Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Khi ấy, có Tỳ-kheo Bồ-tát tên Kim Cang Tề đắc lực trì giới, hành giới thanh tịnh, luôn luôn kinh hành trong rừng vắng. Vì muốn đầy đủ pháp Phật, cho nên Tỳ-kheo ấy, tu tập chánh hạnh, tu tập chánh hạnh rồi, liền nghĩ như vậy: Không được tất cả pháp mới gọi là giới. Không tham tất cả pháp mới gọi là giới. Diệt hết tất cả kết mới gọi là giới, quán thân như bóng trong gương mới gọi là giới. Đối với các ngôn từ giống như tiếng vang vọng lại mới gọi là giới. Quán tâm tướng như huyễn mới gọi là giới. Quán pháp thiện, bất thiện không hai, không phân biệt mới gọi là giới. Vì tham dục cho nên quán thân bất tịnh mới gọi là giới. Vì sân hận cho nên sinh từ tâm mới gọi là giới. Dùng trí tuệ phá lưới ngu si mới gọi là giới. Không được tham, sân, si mới gọi là giới. Đối với pháp không quán, không tưởng về phân biệt mới gọi là giới. Không ngã kiến, không chúng sinh kiến, không thọ giả kiến, không nhân kiến, không thường kiến,

không diệt kiến mới gọi là giới. Đối với tất cả pháp không tạo thành, không khởi mới gọi là giới. Tâm không sợ hãi mới gọi là giới. Không nương vào ba cõi mới gọi là giới. Tin vào pháp vô sinh mới gọi là giới. Tin hiểu pháp Nhẫn vô sinh mới gọi là giới. Không tham lợi dưỡng mới gọi là giới. Đối với các pháp không, tâm không sợ hãi, xa lìa các tướng, xả trừ các nguyện mới gọi là giới. Tâm không sở niệm mới gọi là giới. Không tự cao, không khinh người khác mới gọi là giới. Không chấp trước các nhập mới gọi là giới. Không khởi lên năm dục mới gọi là giới. Biết rõ các ấm đồng với pháp ấm mới gọi là giới. Biết rõ các tánh đồng với pháp tánh mới gọi là giới. Vui với việc không tranh cãi tố tụng mới gọi là giới. Siêng năng thực hành pháp thiện mới gọi là giới. Biết tất cả các pháp tướng rốt ráo tịch diệt mà dùng thân chứng mới gọi là giới.

Này Tự Tại Vương! Tỳ-kheo Kim Cang Tề an trụ vào giới như vậy, tu tập Thánh pháp, chánh niệm không điên đảo. Lúc đó, có ma tử tên là Chương Ngại, thấy Tỳ-kheo Kim Cang Tề trì giới, tu tập Thánh pháp, chánh niệm, không điên đảo như vậy; liền cùng tám vạn bốn ngàn các ma và các quyến thuộc, mặc áo giáp, cầm binh khí đến chỗ ấy, bọn chúng ẩn thân, xét xem tâm Tỳ-kheo này hành thế nào. Theo dõi suốt cả ngàn năm, nhưng bọn ma vẫn không thấy được một niệm tán loạn để xen vào phá hoại. Do vậy, mà ma tử và cả quyến thuộc liền hiện nguyên hình, tay cầm đao, mâu đến trước Tỳ-kheo để khủng bố. Tỳ-kheo thề: “Nếu ta trì giới thanh tịnh, tu tập Thánh pháp, chánh hạnh không điên đảo; nhờ sự tu tập đó khiến cho các thứ binh khí của bọn ma đều biến thành hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, đủ các màu và hoa Tu-mạn-na, hoa Ba-lợi-sư, rồi dùng các loại hoa danh tiếng kỳ lạ đặc biệt đó làm thành chuỗi ngọc. Còn lúc ấy, hình sắc và nghi pháp của thân ma tử cùng quyến thuộc, đều như thân ta.”

Này Tự Tại Vương! Khi Tỳ-kheo Kim Cang Tề vừa nói xong lời ấy thì binh khí của chúng ma liền biến thành hoa đủ sắc màu vi diệu, hương thơm thanh khiết thù thắng, làm thành chuỗi ngọc. Tất cả quân ma đều tự thấy thân mình cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa như vị Tỳ-kheo này. Ma tử thấy Tỳ-kheo hiện đại thần lực, ngạc nhiên

cho là chưa từng có, phát sinh tâm hy hữu, rồi cùng với tất cả quyền thuộc đánh lễ dưới chân Tỳ-kheo và nói lên như vậy: “Ông được pháp gì mà có thần lực như thế này?”

Tỳ-kheo trả lời: Thần lực này không từ đâu sinh, cũng không nương vào thân, khẩu, ý và tất cả pháp mà sinh; thần lực này không do trụ tướng mà sinh.

Do không có trụ xứ, cho nên ma hỏi Tỳ-kheo: Suốt cả ngàn năm, tôi cố tìm tâm hạnh của Tỳ-kheo, nhưng không biết nó ở nơi đâu?

Tỳ-kheo trả lời: Trong hằng hà sa kiếp, nếu người có cố tìm, cũng không thể được. Vì sao? Vì tâm không ở trong, không ở ngoài, cũng không ở giữa. Vậy người có thể tìm được chỗ tâm hành của người huyễn hóa được không?

Ma thưa: Tâm của người huyễn hóa còn không có, huống gì là chỗ tâm hành.

Tỳ-kheo nói: Đức Như Lai nói tất cả pháp là không, đều như huyễn hóa, trong đó cũng không có tâm, không có suy nghĩ.

Ma thưa: Nếu nói, không có tâm, không có suy nghĩ; tại sao có sự đến, đi, có nói năng?

Tỳ-kheo trả lời: Sự đến, đi, nói năng của người huyễn hóa và sự đến, đi của ta cũng vậy.

Ma hỏi: Ông dùng sự tinh tấn, hành trì và an trụ này mà trì giới, tu tập Thánh pháp, là muốn hướng đến chỗ nào?

Tỳ-kheo trả lời: Hướng đến chỗ không hướng đến.

Ma hỏi: Thế nào là hướng đến chỗ không hướng đến?

Tỳ-kheo trả lời: Trong đây trước đã không đến, nay không đến và cũng sẽ không đến.

Không có chỗ hướng đến tức là không tạo cửa giải thoát. Vậy nay người hỏi, dùng tinh tấn, hành trì và an trú vào giới, tu tập Thánh pháp là hướng đến chỗ nào? Ta không hướng đến sắc sinh, không hướng đến sắc diệt, không hướng đến sắc trụ; không hướng đến thọ, tướng, hành, thức sinh; không hướng đến thọ, tướng, hành, thức diệt; không hướng đến thọ, tướng, hành, thức trụ; đối với tất

cả pháp cũng không hướng đến sinh, không hướng đến diệt, không hướng đến trụ. Đây mới gọi là hướng đến chân chánh. Này ma tử! Hướng đến chân chánh nghĩa là không bám lấy sắc, không bám lấy thọ, tưởng, hành, thức; không còn thấy pháp, đây chính là chỗ mà ta hướng đến. Chỗ hướng đến của ta, là không bám lấy sắc, không bám lấy thọ, tưởng, hành, thức, chỗ ta hướng đến, là chỗ của bậc Thánh đã hướng đến.

Ma hỏi: Trong pháp ấy tại sao có chỗ hướng đến?

Tỳ-kheo trả lời: Các pháp của phàm phu và pháp của chư Phật, cùng là một pháp, không hai không khác. Học pháp, A-la-hán pháp, Bích-chi-phật pháp và pháp Phật; cùng là một pháp, không hai không khác. Hoặc pháp quá khứ, pháp hiện tại hay pháp vị lai, cũng chỉ là một pháp, không hai không khác, không xuất, không sinh. Do tướng bình đẳng, cho nên không xả các pháp tướng bình đẳng như vậy. Vì muốn đem pháp này khai thị chúng sinh, cho nên mới nói đến pháp, người hướng đến như vậy, mới gọi là hướng đến chân chánh.

Lại nữa, này ma tử! Hướng đến chân chánh là không hướng đến cõi Dục, không hướng đến cõi Sắc, không hướng đến cõi Vô sắc.

Trụ vào pháp bình đẳng, nghĩa là ở nơi pháp thật tướng không bị lay động, không bị thoái chuyển, đó mới gọi là hướng đến chân chánh. Hướng đến như như, hướng đến các pháp cũng như vậy. Hướng đến như pháp tánh, hướng đến tất cả pháp, cũng như vậy. Hướng đến thật tế, hướng đến tất cả pháp cũng cầu như vậy. Người hướng đến như vậy cũng không niệm, không chấp trước vào chỗ hướng đến, đây gọi là hướng đến chân chánh.

Ma tử nói với Tỳ-kheo Kim Cang Tề: Ông dùng chánh hạnh này để được pháp gì?

Tỳ-kheo trả lời: Ta hành chánh hạnh này, lìa được sự phân biệt các pháp, do không niệm, không phân biệt đó; cho nên được đầy đủ tướng bình đẳng. Vậy người hỏi được pháp nào? Trong chánh hạnh không có tướng để được, không có tăng thượng mạn, cho nên chánh hạnh đối với pháp thì không thể nắm bắt được, chánh hạnh tức là

nghĩa không hạn.

Ma tử lại hỏi: Ông thọ trì giới này để được pháp gì?

Tỳ-kheo trả lời: Ta thọ trì giới này sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến một pháp nhỏ cũng không thể được.

Ma tử hỏi: Sao gọi là được Bồ-đề?

Tỳ-kheo trả lời: Sắc bình đẳng tức là được Bồ-đề; thọ, tưởng, hành, thức bình đẳng tức là được Bồ-đề; tất cả pháp bình đẳng là được Bồ-đề.

Ma tử hỏi: Bồ-đề như vậy, tìm cầu ở nơi nào?

Tỳ-kheo trả lời: Tìm cầu ngay ở trong sự kiến tánh của ta.

Ma tử hỏi: Cầu như thế nào?

Tỳ-kheo trả lời: Lúc cầu không khởi lên sự thấy Bồ-đề.

Ma tử hỏi: Thầy của ông là ai? Ai dạy cho ông biện tài giỏi như vậy?

Tỳ-kheo trả lời: Không hoại tánh ngã kiến mà được Bồ-đề, là thầy của ta. Không nhớ, không sạch là thầy của ta. Nếu biết không tại hữu vi, không tại vô vi, là thầy của ta. Không nghe các pháp từ nơi người khác, không trụ không xả, có khả năng vượt qua các dòng chảy, là thầy của ta. Nếu biết tất cả pháp, chẳng đến tất cả pháp, là thầy của ta. Nếu tất cả âm thanh, ngôn từ được nói ra trong các pháp tướng không thể nói, không bị lay động, là thầy của ta. Nếu tất cả pháp không sinh, không khởi, không xuất, mà có thể chuyển thánh pháp luân, là thầy của ta. Không trụ bờ bên này, không trụ bờ bên kia, không trụ ở giữa dòng, đó chính là thầy của ta. Nếu tất cả pháp không sinh mà sinh đó là thầy của ta. Nếu tất cả pháp không diệt, mà diệt, là thầy của ta. Ta theo sự dạy dỗ của thầy như vậy, cho nên mới biện tài được như thế.

Ma tử hỏi: Vì sao mà Đức Như Lai chuyển pháp luân?

Tỳ-kheo trả lời: Như Lai đối với sắc không chuyển không hoàn: sắc như, sắc pháp, sắc không, sắc vô tướng, sắc vô tác, sắc diệt, sắc ly, sắc vô sinh, sắc tướng, sắc tánh cũng không chuyển không hoàn. Thọ, tưởng, hành, thức không chuyển không hoàn. Thức như, thức pháp, thức không, thức vô tướng, thức vô tác, thức

diệt, thức ly, thức không sinh, thức tướng, thức tánh, cũng không chuyển không hoàn. Như Lai dùng tất cả pháp không chuyển, mà chuyển pháp luân. Pháp luân như vậy hoặc chuyển, hoặc không chuyển, đối với vô lượng pháp tánh trọn không thể vượt qua. Nếu ai có thể hiểu được việc chuyển pháp luân này thì người ấy có thể chuyển pháp luân.

Lúc đó, Ma tử cùng tất cả quyến thuộc, đều xin làm đệ tử Tỳ-kheo Kim Cang Tề, cùng nói: Từ ngày hôm nay, chúng con xin quy y ông.

Tỳ-kheo nói: Các người chớ quy y ta, mà nên đến quy y Đức Phật Tịnh Minh Quang Vương, những gì mà ta nói ra đều là lời Đức Phật ấy dạy.

Ma tử thưa: Vậy thì chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Phật.

Khi ấy, Tỳ-kheo Kim Cang Tề cùng ma tử và tám vạn bốn ngàn chúng ma đều đến chỗ Phật Tịnh Minh Quang Vương. Đến rồi, cùng nhau đánh lễ sát chân Phật, chấp tay, cung kính, đứng sang một bên. Đức Phật Tịnh Minh Quang Vương nhân nơi sự trì giới thanh tịnh và thực hành Thánh pháp của Tỳ-kheo ấy, nói pháp như vậy, làm cho tất cả đều được bất thoái đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tự Tại Vương! Tỳ-kheo Kim Cang Tề lúc đó đâu phải người nào lạ, mà chính là ông đó, còn Ma tử làm chướng ngại chính là Bồ-tát Trì Địa.

Này Tự Tại Vương! Đó gọi là giới tự tại của Bồ-tát Ma-ha-tát. Được giới tự tại như vậy, mới có thể chỉ bày nguyện lực không thể bàn cho chúng sinh, giáo hóa vô lượng chúng sinh đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng có khả năng tự hàng phục các ma oán, mau chóng thành quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tự Tại Vương:

–Sao gọi là thần thông tự tại của Đại Bồ-tát? Đó nghĩa là Thiên nhãn, Thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, như ý túc.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là Thiên nhãn tự tại của Bồ-tát? Nếu nhãn căn của Bồ-tát không bị các thứ: như tường, vách, rừng, núi Tu-di, Thiết vi, trong không trung của thế giới, tạo các sự chướng



ngại, gọi là Thiên nhân tự tại. Bồ-tát dùng nhãn căn không chướng ngại này thấy cõi Phật trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ, thành một cõi Phật. Vì sao? Vì là tướng không, không sai khác; các cõi Phật, tuy có kia, đây khác biệt, nhưng không hợp, không sai khác. Lại thấy đại chúng vây quanh các Đức Phật, cũng như là một Đức Phật. Vì tướng của pháp tánh không hoại. Do thấy một Đức Phật thanh tịnh, cho nên thấy tất cả Phật cũng thanh tịnh; vì tất cả Phật thanh tịnh, cho nên thấy tự thân thanh tịnh, vì tự thân thanh tịnh cho nên thấy tất cả pháp đều thanh tịnh, đối với tự thân thanh tịnh thì trong các thanh tịnh ấy, không sinh hai tướng. Lại thấy đệ tử của chư Phật, không khác với việc thấy chư Phật thanh tịnh. Bồ-tát thấy chánh kiến của đệ tử cũng như chánh kiến của Phật, chánh kiến của Phật cũng như chánh kiến của đệ tử.

Lại nữa, Bồ-tát ở nơi mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới; nơi có chúng sinh, hoặc địa ngục, hoặc súc sinh, hoặc ngạ quỷ, hoặc người, hoặc trời; trừ Vô sắc giới ra còn các chỗ khác đều có thể dùng Thiên nhãn thấy được sự sinh tử và các nẻo thiện hay ác; lại biết chúng sinh hành nghiệp và chịu quả báo. Bồ-tát tuy thấy chúng sinh, nhưng không chấp tướng chúng sinh. Vì sao? Vì là tin vô ngã, tuy là thấy hành nghiệp và quả báo, nhưng cũng biết, tất cả pháp là không nghiệp, không quả. Bồ-tát dùng Thiên nhãn này, thấy tất cả sắc đều vô sắc tướng; tin rằng tất cả pháp không sở hữu, biết các hình sắc đều là hư vọng, xưa nay không sinh; đó gọi là Thiên nhãn của Bồ-tát. Bồ-tát được trí lực Thiên nhãn này, tùy theo chỗ có thể thấy, hoặc thấy hữu có sắc, hoặc thấy vô số sắc; hoặc không chỗ nào là không thấy. Bồ-tát tuy ở trong trăm ngàn vạn loại chúng sinh, nhưng có thể nhập vào thiền định Tam-muội bối xả, cho đến không thấy có một chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát đạt pháp vô ngã, nghĩa là Bồ-tát đối với ở trước thân hình tịnh diệu của chư Thiên, muốn hiện thân khiến cho chư Thiên đều thấy, Bồ-tát cũng thấy thân chư Thiên. Bồ-tát lại có thể làm cho chư Thiên, thấy thân ấy; nhưng chư Thiên không tự thấy thân. Hoặc khiến chư Thiên tự thấy thân ấy, nhưng không thấy thân Bồ-tát. Đây Tự Tại Vương! Đây gọi là Thiên nhãn tự tại của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là Thiên nhĩ tự tại của Đại Bồ-tát? Nếu Bồ-tát đạt Thiên nhĩ, ở nơi mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, nơi có các thứ tiếng, như tiếng Trời, tiếng Rồng, tiếng Dạ-xoa, tiếng Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, tất cả tiếng như vậy, đều nghe được cả. Ở nơi các tiếng khi nghe, không hề phân biệt; tin rằng tất cả tiếng là tướng không thể nói. Lại nghe tiếng này, không sinh ngã tướng, chúng sinh tướng và âm thanh tướng; đạt tất cả tiếng, mà tướng xưa nay không thể nói, tin và biết tiếng này không chỗ trụ. Nhĩ tánh và nhĩ thức của Bồ-tát không có chướng ngại, mỗi khi nghe tiếng này, luôn hiểu rõ thật nghĩa, tất cả tiếng không thể nói, đó là tiếng tịch diệt, vì thật nghĩa cho nên nương vào nghĩa, không nương vào tiếng, tất cả pháp không có tướng sinh. Lại nghe mười phương vô lượng a-tăng-kỳ hiện tại chư Phật thuyết pháp, không bị chướng ngại, hành trì theo cái nghe của mình, có như thế, không bao giờ quên được. Vì sao? Vì Bồ-tát không có một câu nào là không biết mà diệt. Bồ-tát nghe pháp hoặc hữu lậu hoặc vô lậu; hoặc hữu vi hoặc vô vi; hoặc pháp thế gian hoặc pháp xuất thế gian; hoặc thiện hoặc bất thiện; hoặc có tội hoặc không tội; hoặc Thanh văn thừa hoặc Bích-chi-phật thừa; hoặc Phật thừa; Bồ-tát có khả năng khiến pháp này nhập vào một vị tánh. Nghĩa là lìa tự tánh, tuy có nghe nhưng không tham đắm vào sáu trần tuy nghe pháp, nhưng lại không trụ vào các tướng. Bồ-tát quý trọng pháp, nương theo pháp, chứ không nương theo phi pháp.

Những gì là pháp? Pháp là lìa nhiễm, pháp là không tướng, pháp là vô vi, pháp là không có chỗ trở về, pháp là không sinh, không khởi, không đắc, pháp là không so sánh. Ở trong pháp, dùng tướng phân biệt: Thủ, xả, hỷ, luận là phi pháp.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát nương vào nghĩa chứ không nương vào lời nói; không lìa lời nói, mà nhập vào nghĩa tâm, để nghe pháp. Sao gọi là vào nghĩa tâm? Không rơi vào trường hợp Không nghĩa kiến, Vô tướng nghĩa kiến và Vô tác nghĩa kiến; đó gọi là nhập nghĩa tâm. Bồ-tát vì nhập nghĩa tâm nên nghe pháp nương vào nghĩa, đó là nghĩa không thể được, cái không thể được đó,

cũng không thể được.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Bồ-tát nếu nghe các pháp Phật như vậy, chỉ nương vào kinh liễu nghĩa, chứ không nương vào kinh bất liễu nghĩa.

Kinh liễu nghĩa là tất cả các kinh, đều là nghĩa thấu triệt. Vì nương vào nghĩa, cho nên tất cả pháp không thể nói. Bồ-tát được như vậy, gọi là nương vào kinh liễu nghĩa. Nếu người đối với tất cả kinh không khả năng nương vào nghĩa như vậy thì gọi là không liễu nghĩa.

Sao gọi là bất liễu? Vì người ấy không liễu nghĩa, cho nên thường bị dẫn dắt theo con đường trần cấu. Bị ai dắt dẫn? Bị thanh dắt dẫn. Người liễu nghĩa không bị cuốn theo thanh. Vì sao? Vì nghĩa ấy không thể nói. Bồ-tát biết tất cả các pháp, lià các biên tế, chẳng phải là liễu tướng. Tự Tại Vương! Người nương vào nghĩa như vậy, là hướng đến pháp, tất cả các kinh đều là liễu nghĩa. Người không nương như vậy, đối với tất cả các kinh đều không liễu nghĩa.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Bồ-tát khi nghe nhận pháp từ nơi chư Phật, là nương vào trí, chứ không nương vào thức. Vì sao? Vì Bồ-tát biết thức là hư vọng, như huyễn hóa, là tướng, không tánh, không sắc, không hình, không đối, không thể biết. Tướng rõ biết như vậy thì gọi là trí, chứ không phải là thức. Vì Bồ-tát nương vào trí, cho nên không bị cuốn theo thức, biết thức của người khác, cũng không phải là thức, vì thế không chấp vào thức như, cho nên nói là trí như.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Bồ-tát nương vào trí, không trụ vào thức; cho nên có khả năng biết được thức của người khác, từ đó nói pháp.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Lúc Bồ-tát nói pháp, tuy có nói đến tên của chúng sinh, nhưng chỉ nương vào pháp mà không nương vào chúng sinh. Vì sao? Nếu trong pháp của ta, mà thật có chúng sinh, trọn không thanh tịnh, không giải thoát. Thế nên Tự Tại Vương! Tất cả pháp rốt ráo là không có ngã, không có chúng sinh. Như Lai dùng thế pháp, nói có chúng sinh, các pháp thật không có chúng sinh. Cho nên Bồ-tát chỉ nương vào pháp, chứ không nương

vào chúng sinh.

Pháp tức là nghĩa pháp tánh. Pháp tánh là nghĩa không sinh tánh. Không sinh là nghĩa rốt ráo, không khởi, không tạo tác.

Nghĩa là nghĩa không thể nói. Vì sao? Vì dùng lời nói để thuyết pháp, pháp không ở trong lời nói, thế nên dùng lời nói chỉ để chỉ bày nghĩa; hề có biểu thị lời nói, chẳng phải ngữ, chẳng phải thuyết, hề có phân biệt, có nói ra thì không phải pháp Phật; không phân biệt, không nói ra mới là pháp Phật; nên nói mà không nói, mới là pháp Phật. Nếu người muốn nhập vào pháp Phật thì nên nhập như vậy.

Dùng ngôn ngữ để nói về chúng sinh; nếu nói pháp, không nên sinh kiến; còn như có hai thì không phải là lời Phật; không hai, không phân biệt, tức là lời Phật. Nếu có âm thanh thì chẳng phải là pháp Phật; nếu còn có luận thuyết thì không phải là pháp Phật. Thế nên Tự Tại Vương! Nếu Bồ-tát nhập vào pháp Phật, được Thiên nhĩ như vậy, nhờ vào tất cả tiếng mà hành trì theo thật tướng của các pháp, có thể đạt các sự Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tự Tại Vương! Đây gọi là Thiên nhĩ tự tại của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là tha tâm trí tự tại của Đại Bồ-tát? Nếu Bồ-tát đạt tha tâm trí tự tại, dùng tâm mình mà biết tâm của người khác. Khi nói pháp cho chúng sinh, trước hết, là quán các tâm chúng sinh, biết chúng sinh có những tâm gì, hạnh gì, nhân gì và tướng gì, rồi mới tùy theo đó, nói pháp. Vì Bồ-tát tự tâm thanh tịnh, cho nên nhập vào tâm thanh tịnh của tất cả chúng sinh.

Này Tự Tại Vương! Ví như gương sáng soi các hình sắc, tướng mạo dài, ngắn, lớn, nhỏ, thô, tế. Những hình đó như thế nào, nó hiện ra như thế ấy, không thêm, không bớt, gương không có phân biệt, nhờ gương sáng, nên các hình tượng đều hiện rõ. Bồ-tát cũng như vậy, do tự tâm thanh tịnh, pháp tánh chiếu sáng, nên rõ biết được tâm tâm số pháp của chúng sinh khởi lên, mà không bị ngăn ngại. Nếu chúng sinh có nhiều điều mong muốn, Bồ-tát đều có thể biết được tâm muốn ấy và cũng thấy được tướng lìa dục. Vì sao? Vì tướng của tâm không phải nhiễm. Nếu chúng sinh có nhiều sân si thì Bồ-tát cũng biết được tâm đó và thấy rõ tướng lìa sân lìa si. Vì

sao? Vì tướng của tâm không phải sân, không phải si. Nếu trong chúng có người ưa Thanh văn thừa thì biết rằng pháp tánh hành đạo của người ấy, không làm nhỏ. Nếu trong chúng có người ưa đạo Bích-chi-phật thì biết rằng, pháp tánh hành đạo của người ấy, không làm ở bậc trung. Nếu trong chúng có người ưa Đại thừa, biết rằng pháp tánh hành đạo của người ấy, không làm bậc lớn. Tùy theo sự biết tâm tánh của chúng sinh, Bồ-tát thuyết pháp, không bám lấy tâm tướng, tuy biết rõ được các thừa, vì họ nói pháp, nhưng không tổn hoại pháp tánh. Do không hoại pháp tánh, cho nên không hoại tất cả tánh mà biết sở hành của chúng sinh. Bồ-tát đem tâm mình quán tâm người khác, tâm mình và tâm người, không trái, không thuận, cũng biết được tâm tướng tục sinh của chúng sinh, lại biết tâm tánh tức là pháp tánh. Tự Tại Vương! Đó gọi là tha tâm trí tự tại của Bồ-tát. Nhờ tự tại này, mà ở trong cõi trời, người không một điều gì không rõ biết.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là túc mạng trí tự tại của Đại Bồ-tát? Bồ-tát đạt được túc mạng trí tự tại, nhờ vào niệm lực kiên cố, định căn lanh lợi, cho nên nhớ được những việc sinh ra ở đời trước, trong hằng hà sa kiếp của chính mình và người khác, để vì họ nói pháp. Bồ-tát lại còn biết mình ở nơi ấy, chủng loại họ tên thọ mạng như vậy, chịu sự khổ vui như vậy; lại còn biết được sự gieo trồng căn lành đời trước của chúng sinh. Người có nhân lực, người có duyên lực, là người có nhân Thanh văn; là người có nhân Bích-chi-phật, là người có nhân Đại thừa và cũng biết rõ nhân đời trước của người ấy. Cứ tùy theo sự thích ứng của họ như vậy, nói pháp. Bồ-tát đạt túc mạng trí này, tự biết được, việc gieo trồng căn lành đời trước của mình, ở nơi các Đức Phật. Nếu đời trước có căn lành, mà không hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thì đời này, phải đem thiện căn đó mà hồi hướng về Bồ-đề. Biết được túc mạng, cũng biết được đời trước pháp không có đến, không thấy pháp từ đời trước đến đời này, cũng không thấy pháp từ đời này đến đời sau. Biết tất cả pháp, không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Lại nghĩ rằng, tiên tế không sinh tiên kiến, hậu tế cũng không sinh trung kiến, biên kiến. Biết tất cả pháp, không ở một bên, cũng không ở khoảng giữa. Bồ-

tát nghĩ đến túc mạng của chúng sinh, cũng biết được tiên tế sắc là tướng, biết tiên tế thọ, tướng, hành, thức là tướng. Tiên tế (đường ranh giới trước) của năm ấm là tướng; tức là hậu tế của năm ấm là tướng. Hậu tế năm ấm là tướng thì hiện tại năm ấm là tướng. Bồ-tát biết được tiên tế tánh của tất cả pháp là không, biết tánh của tất cả pháp hiện tại là không, biết hậu tế tánh của tất cả pháp là không. Nay Tự Tại Vương! Bồ-tát biết được túc mạng như vậy, nên thiện căn càng tăng trưởng, tội nghiệp nhân duyên đời trước đều tiêu sạch. Vì sao? Vì Bồ-tát đã đạt tất cả pháp tướng, không mới không cũ. Thành tựu trí như vậy rồi, tin hiểu tất cả pháp hữu vi đều là không, đều như mộng. Tự Tại Vương! Ví như đã thấy sinh tử khổ vui ở trong mộng thì sự tin hiểu tất cả pháp hữu vi của Bồ-tát cũng như vậy. Tin hiểu được như thế, tuy có qua lại trong sinh tử, nhưng tâm không bao giờ mệt mỏi, mà lại còn sinh tâm thương xót, đối với tất cả chúng sinh, đối với pháp đều là giả tạm.

Bồ-tát khởi niệm như vậy: “Ta đã qua lại sinh tử ngàn vạn ức kiếp, tất cả đều là hư vọng, không có sở hữu. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, qua lại trong sinh tử, hư vọng không thật. Nếu thật sự mà nói, bốn đại không khởi, bốn đại là pháp hư vọng?” Nay Tự Tại Vương! Bồ-tát thấy túc mạng và các pháp hữu vi đều là hư vọng. Vì sao? Vì Bồ-tát nghĩ đến sự vui thích của vua Chuyển luân vương ở đời trước đều là tướng vô thường biến đổi; nghĩ đến thú vui của Đế Thích cũng là tướng vô thường biến đổi; cũng thấy thế giới của chư Phật nghiêm tịnh, chúng Thanh văn nghiêm tịnh, chúng Bồ-tát nghiêm tịnh, các vật dụng cũng đều nghiêm tịnh; cũng nghĩ đến sắc thân chuyển pháp luân tròn đầy của chư Phật cũng là tướng vô thường biến đổi. Khi nghĩ đến như vậy, đối với pháp hữu vi không có tham tiếc. Vì sao? Vì Bồ-tát sẽ nghĩ như vậy: “Sắc thân chư Phật cõi tịnh, còn bị vô thường diệt sạch, huống gì là sự tham trước của ta!” liền được nhập vào vô ngã, vô ngã sở pháp. Nướng vào tướng vô thường biến đổi mà nghĩ như vậy: “Các pháp hữu vi đều là vô thường mà chúng sinh ở đó lại luôn sinh tướng thường còn.” Do vậy cho nên sinh tâm thương xót đối với tất cả chúng sinh, đối với tất cả pháp thì sinh tướng buông bỏ.

Này Tự Tại Vương! Đó là túc mạng trí tự tại của Bồ-tát, Bồ-tát đạt được trí tự tại này nên tin hiểu tất cả pháp đều là vô thường. Vì muốn thành tựu cho chúng sinh, nên Bồ-tát thọ thân, vì không thọ nhưng phải thọ, vì không thủ nhưng phải thủ, chỉ vì muốn giáo hóa cho tất cả chúng sinh.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là Như ý túc tự tại của Đại Bồ-tát? Nếu Bồ-tát với tâm tự tại thì từ thánh tướng sinh như ý túc, dục lực, tấn lực, đoạn hành, tín giải lực. Bồ-tát đạt được tín giải như ý túc này, chẳng phải tạo tác, chẳng phải khởi. Nếu Bồ-tát muốn đến khắp hằng hà sa thế giới, chỉ trong khoảng một niệm, liền đến; tất cả chúng sinh ấy đều thấy vị Bồ-tát đó đến; nhưng trước khi đến, thế giới ấy không bị lay động, các chúng sinh kia thấy vị Bồ-tát đó nói pháp không dứt.

Này Tự Tại Vương! Đó gọi là Như ý túc của Đại Bồ-tát. Bồ-tát dùng như ý túc tự tại này: Nếu có chúng sinh đáng dùng Như ý túc để độ thì dùng như ý túc mà độ. Nếu các hàng trời, người tham đắm vào tướng thường thì nên chỉ bày cho họ thấy kiếp thiêu, các chúng sinh này sẽ thấy tam thiên đại thiên thế giới, đều bị cháy sạch, nhưng thế giới này vẫn không bị tổn giảm. Nếu có chúng sinh tâm ngã mạn, tự đại; Bồ-tát liền hiện ra một vị thần, tay cầm chày Kim cang khai thị, khiến họ sinh tâm kính sợ, bỏ đi tâm ngã mạn, tự đại; tự quay về lễ kính. Nếu có chúng sinh ham thích thân hình của Chuyển luân vương thì liền hiện thân Chuyển luân vương, vì họ nói pháp. Nếu có chúng sinh thích thân của Thích Đề-hoàn Nhân, liền hiện thân Thích Đề-hoàn Nhân mà vì họ nói pháp. Nếu có chúng sinh thích thân Phạm Thiên vương thì liền hiện thân Phạm Thiên vương để vì họ nói pháp. Nếu có chúng sinh thích thân ma vương, liền hiện thân ma vương mà vì họ nói pháp. Nếu có chúng sinh thích thân Phật, liền hiện thân Phật, vì họ nói pháp. Bồ-tát vì chúng sinh mà ngồi kiết già, trụ giữa hư không, thân phóng ra hào quang sáng chói, rồi vì họ nói pháp. Hoặc có chúng sinh muốn trang nghiêm thế giới thanh tịnh, liền trang nghiêm tam thiên đại thiên thế giới, treo các loại cờ, lụa, lọng, dựng các cờ phướn, dùng lưới báu phủ lên trên, đốt các loại danh hương, tấu lên các loại âm nhạc, rồi mới nói

pháp. Hoặc vì chúng sinh mà hiện tam thiên đại thiên thế giới thành một biển, có các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; mọc đầy trên biển ấy; trong biển lại hiện ra một tòa Sư tử, Bồ-tát ngồi trên tòa này, nói pháp. Hoặc vì chúng sinh mà hiện thân ngồi trên đỉnh núi Tu-di vì họ nói pháp, tiếng vang thấu đến Phạm thiên. Hoặc vì chúng sinh không hiện thân; chỉ dùng âm thanh vì họ nói pháp. Hoặc vì chúng sinh, hiện Càn-thát-bà, dùng các âm nhạc để thuyết pháp. Hoặc vì chúng sinh, hiện thân Long vương, làm nổi lên mây sấm sét, phóng ánh chớp lớn, tuôn trận mưa lớn, vì họ nói pháp. Hoặc có chúng sinh, bị đói khát bức bách, liền đem thức ăn của chư Thiên ban cho họ được no đủ, vui thích an lạc, rồi lúc đó, mới nói pháp. Nếu có chúng sinh, ở địa ngục bị khổ não bức bách, Bồ-tát dùng thần lực dập tắt lửa địa ngục, dùng khí trong sạch của chư Thiên làm cho họ được an lạc; rồi mới nói pháp. Nếu có người mù, Bồ-tát dùng thần lực, ban cho Thiên nhãn và làm mắt họ được sáng ra, mới nói pháp. Nếu có người bị điếc, Bồ-tát dùng Như ý thần lực ban cho nhĩ căn, khiến họ nghe được, rồi nói pháp. Nếu có người mang nhiều chứng bệnh, Bồ-tát dùng thần túc, làm cho họ hết bệnh, mới nói pháp. Nếu có người bị phạm tội đưa đến pháp trường, Bồ-tát dùng Như ý thần lực hóa người để thay vào và làm cho người có tội kia, tâm được an lạc, nhân đó mới nói pháp. Nếu có chúng sinh bị chặt tay, chém chân, cắt tai, xẻo mũi, thân thể hôi thối, luôn xấu hổ muốn chết, Bồ-tát liền dùng như ý thần lực làm cho họ được trọn vẹn trở lại, mới nói pháp. Nếu có chúng sinh ở trong thai, chịu sự bất tịnh của máu, phân, Bồ-tát dùng Như ý thần lực hóa làm đài báu, lầu gác, khiến chúng sinh ấy, ở trong đó, cũng có đầy đủ ý thức, mới nói pháp. Nếu có chúng sinh mới sinh ra các căn chưa thành, Bồ-tát dùng Như ý thần lực, làm cho họ được đầy đủ, có thể lắng nghe nhận lãnh thọ, rồi nói pháp.

Này Tự Tại Vương! Đây gọi là như ý túc tự tại của Bồ-tát. Dùng các thần lực, không thể nghĩ bàn như vậy, nói pháp cho các chúng sinh. Bồ-tát dùng thần lực Như ý hóa độ chúng sinh phụng thờ mặt trời, mặt trăng, bằng cách đem tam thiên đại thiên thế giới để trong lòng bàn tay phải, rồi ném qua vô lượng, vô biên thế giới



khác, làm cho mọi người đều thấy rõ việc đó, nhưng ngay thế giới này vẫn không bị lay động. Lại đem hằng hà sa thế giới, bỏ vào lỗ chân lông, bay đến Phạm thiên rồi ném qua vô lượng thế giới khác, khiến cho các chúng sinh không còn ý tưởng đến đi. Nếu hằng hà sa vô lượng thế giới bị lửa đốt sạch, Bồ-tát chỉ thổi lửa liền tắt hết. Hoặc dùng hai tay che mặt trời, mặt trăng, thân phát ra ánh sáng chiếu khắp các thế giới, mới nói pháp. Tự Tại Vương! Bồ-tát này, ngồi trước các Đức Phật, nếu muốn cúng dường Phật thì liền có một đóa hoa cúc lớn như núi Tu-di rải trên thân Phật, hoa rải đó cao đến nửa thân. Lại có thể làm tắt cả cỏ cây trong tam thiên đại thiên thế giới, thành một cây đuốc, lửa cháy rơi như mưa khắp cả thế giới. Nay Tự Tại Vương! Đây là Bồ-tát tùy theo sự ham thích hình sắc của chúng sinh, mà hiện ra Đế Thích hoặc Phạm thiên, hoặc thân Thanh văn hoặc thân Bích-chi-phật. Đây gọi là thần thông tự tại của Bồ-tát, là Thiên nhãn thấy không bị chướng ngại, là Thiên nhĩ nghe không bị chướng ngại, là tha tâm trí đạt được tất cả tâm, tâm pháp, chứng túc mạng trí nhớ đến việc thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, là đạt như ý túc đối với tất cả hình sắc, tùy theo ý muốn của chúng sinh mà thị hiện.

Này Tự Tại Vương! Thần thông tự tại là có khả năng đem tất cả Phật sự, chỉ bày cho các chúng sinh và cũng phân biệt một cách rõ ràng, về các căn lành lẹ hay chậm lụt của chúng sinh. Hoặc có thể dùng Thanh văn thừa để hóa độ chúng sinh, dùng Bích-chi-phật để hóa độ chúng sinh, hoặc dùng Đại thừa để hóa độ chúng sinh. Ở trong sinh tử là tri thức của chúng sinh; xuất gia hành đạo trong pháp thiện, là tri thức ở trong chúng; dùng phương tiện lực, là tri thức trong chúng, hồi hướng Bồ thí ba-la-mật là tri thức trong chúng; hồi hướng Thi-la ba-la-mật, Sằn-đề ba-la-mật, Tỳ-lê-da ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật là tri thức trong chúng, hàng phục các ma khiến cho ma gieo trồng căn lành. Đây gọi là thần thông tự tại.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Bồ-tát đạt thần thông tự tại này thì sắc thân, danh tiếng, dòng họ, tài vật, quyến thuộc, dân chúng đều thù thắng đều là tri thức trong chúng. Thế nên gọi là thần thông tự

tại.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Bồ-tát đạt thần thông tự tại, nên là tri thức trong chúng, nghĩa là tri thức trong hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân, Đế Thích, Phạm vương và các vị Hộ thế. Chư Phật, các bậc Chánh biến tri đều là chỗ tri thức. Thế nên gọi là nhiều tri thức. Tự Tại Vương! Bồ-tát dùng thần thông bất thoái này, mà thị hiện tất cả việc mà mình vốn đã thệ nguyện.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là Trí tự tại của Đại Bồ-tát? Nghĩa là ấm trí, tánh trí, nhập trí, nhân duyên trí, đế trí.

Tự Tại Vương! Thế nào là ấm trí? Vì sắc của khoảng trước là không, khoảng sau cũng không, khoảng giữa cũng không; thọ, tưởng, hành, thức chặng trước không, chặng sau không, chặng giữa cũng không, năm ấm rốt ráo không. Đây gọi là ấm trí.

Tự Tại Vương! Thế nào là tánh trí? Địa tánh là pháp tánh, thủy tánh là pháp tánh, hỏa tánh là pháp tánh, phong tánh là pháp tánh. Vì sao? Vì bốn tánh, nhập vào pháp tánh, làm thành một tánh; cho nên gọi là không tánh. Không tánh, pháp tánh đồng một vô tánh, trong đó không có địa tánh, không có thủy tánh, không có hỏa tánh, không có phong tánh. Vì sao? Vì tánh không hoại là pháp tánh; tánh không hai là pháp tánh, tánh không sinh là pháp tánh, tánh không nhớ là pháp tánh, tánh không sạch là pháp tánh; cũng như pháp tánh thì tánh, chúng sinh tánh, sinh tử tánh, Niết-bàn tánh cũng như vậy. Như Niết-bàn tánh thì tánh, sắc tánh, vô sắc tánh, hữu vi tánh, vô vi tánh cũng đều như vậy. Những tánh trí như thế, không phải từ nơi người khác mà được. Đây gọi là tánh trí.

Này Tự Tại Vương! Thế nào là nhập trí? Mắt từ xưa đến nay không sinh không khởi, không có tác giả; tai, mũi, lưỡi, thân, ý từ xưa đến nay, không sinh, không khởi, không có tác giả.

Này Tự Tại Vương! Mắt không có chủ thể, trong đó không có người thấy; tai không có chủ thể trong đó không có người nghe; mũi không có chủ thể, trong đó không có người ngửi; lưỡi không có chủ thể, trong đó không có người nếm; thân không có chủ thể, trong đó không có người giác xúc; ý không có chủ thể trong đó không có

người biết.

Này Tự Tại Vương! Tánh của mắt không thể thấy sắc; tánh của lỗ tai không thể nghe tiếng; tánh của mũi không thể ngửi; tánh của lưỡi không thể biết vị; tánh của thân không thể giác xúc; tánh của ý không thể biết pháp. Vì sao? Vì mắt không có chỗ tạo ra, nên giống với đất đá cây cỏ; tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều vô sở tác, cho nên cũng giống với đất đá cỏ cây.

Này Tự Tại Vương! Mắt không nhiễm không lìa; tai, mũi, lưỡi, thân, ý không nhiễm không lìa. Vì sao? Vì từ xưa đến nay, mắt rời tướng, từ xưa đến nay tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lìa tướng. Tự Tại Vương! Nếu biết tất cả nhập như vậy, có thể lìa dục, đây gọi là nhập trí.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát biết tánh các ấm, làn nhập không sinh không khởi như vậy, là vì rốt ráo diệt, diệt rồi mà thọ sinh thoái mất. Tuy thọ ấm tánh nhập, nhưng không xả trí của ấm tánh nhập. Đây gọi là trí tự tại. Nghĩa là biết ấm tánh nhập, biết tướng ấm tánh nhập mà không xả, vẫn hiện hữu trong ba cõi, không trụ vào các kết sử, dù thị hiện sinh diệt, nhưng không sinh diệt. Đây gọi là Trí tự tại.

Này Tự Tại Vương! Thế nào là Duyên trí? Vô minh duyên hành, vô minh không nghĩ rằng, ta dấy khởi hành. Hành duyên thức, hành không nghĩ rằng ta khởi thức. Thức duyên danh sắc, thức không nghĩ rằng, ta khởi danh sắc. Danh sắc duyên sáu nhập, danh sắc không nghĩ rằng, ta khởi sáu nhập. Sáu nhập duyên Xúc, sáu nhập không nghĩ rằng, ta khởi xúc. Xúc duyên thọ, xúc không nghĩ rằng, ta khởi thọ. Thọ duyên ái, thọ không nghĩ rằng ta khởi ái. Ái duyên thủ, ái không nghĩ rằng, ta khởi thủ. Thủ duyên hữu, thủ không nghĩ rằng ta khởi hữu. Hữu duyên sinh, hữu không nghĩ rằng ta khởi sinh. Sinh duyên lão tử, sinh không nghĩ rằng, ta khởi lão tử. Lão tử duyên ưu bi khổ não, lão tử không nghĩ rằng, ta khởi ưu bi khổ não.

Này Tự Tại Vương! Nếu Bồ-tát quán mười hai nhân duyên như vậy thì không rơi vào các kiến chấp, là đoạn kiến, hoặc thường kiến, Bồ-tát khởi lên ý nghĩ này: Pháp là thuộc về các duyên, suy tìm về các duyên, không thể được. Như vậy ở nơi mười hai nhân duyên, sẽ được chân trí. Sao gọi là Chân trí? Là biết được mười hai nhân duyên

sinh pháp đồng với vô sinh, vô sinh đồng với không, vô tướng, vô tác. Không, vô tướng, vô tác đồng với các pháp duyên sinh, dụng bình đẳng của Như Lai thì đạt được tất cả pháp; pháp này đồng với mười hai pháp duyên sinh. Mười hai pháp duyên sinh không có pháp sinh. Thế nên nói cần thấy mười hai duyên sinh không có sinh. Trí mười hai duyên không có sinh, tức là trí mười hai duyên sinh. Nay Tự Tại Vương! Minh và vô minh không hai, người biết như vậy tức là biết pháp duyên sinh. Hành và chẳng phải hành thì không hai, người biết như vậy là biết pháp duyên sinh. Thức và chẳng phải thức thì không hai, người biết như vậy tức là biết pháp duyên sinh. Danh sắc và không phải danh sắc thì không hai, người biết như vậy, là biết pháp duyên sinh. Sáu nhập và không phải sáu nhập thì không hai, người biết như vậy tức là biết pháp duyên sinh. Xúc và chẳng phải xúc thì không hai, người biết như vậy, là biết pháp duyên sinh. Thọ chẳng phải thọ không hai, người biết như vậy là biết pháp duyên sinh. Ái và chẳng phải ái thì không hai, người biết như vậy là biết pháp duyên sinh. Thủ và chẳng phải thủ thì không hai, người biết như vậy là biết pháp duyên sinh. Hữu và chẳng phải hữu thì không hai, người biết như vậy là biết pháp duyên sinh. Sinh và chẳng phải sinh thì không hai, người biết như vậy là biết pháp duyên sinh. Lão tử và chẳng phải lão tử thì không hai, người biết như vậy là biết pháp duyên sinh. Đã từ duyên sinh thì không có nơi chốn, từ duyên sinh tức là vô ngã, là không, từ duyên sinh thì không đến, không đi, từ duyên sinh thì không phải chân thật, từ duyên sinh thì không có một tướng, từ duyên sinh thì không sở hành. Người biết như vậy thì gọi là trí duyên sinh, thấy pháp duyên sinh thì không thấy vô minh, không thấy hành, không thấy thức, không thấy danh sắc, không thấy sáu nhập, không thấy xúc, không thấy thọ, không thấy ái, không thấy thủ, không thấy hữu, không thấy sinh, không thấy lão tử. Nếu người không thấy pháp như vậy thì gọi là thấy pháp duyên sinh. Nếu thấy pháp duyên sinh thì gọi là thấy pháp. Thế nào là thấy pháp, thấy là nhiệm pháp? Thế nào là là nhiệm hành? Vì ở nơi tất cả pháp mà thấy là nhiệm thì gọi là là nhiệm, nên nói là thấy là nhiệm pháp. Thế nào là thấy không bị tăng, không bị giảm? Thấy

như vậy thì như không bị động không tham đắm, thấy như vậy thì như không hoại pháp tánh, cũng không thấy hợp. Như cùng với pháp tánh, không hoại, không hợp. Người thấy như vậy, là không hoại thật tế. Người thấy như vậy, cũng không thấy. Không phải dùng nhục nhãn mà thấy, không phải dùng Thiên nhãn mà thấy, không phải dùng tuệ nhãn mà thấy. Vì sao? Vì nhục nhãn là vô tác cho nên không thấy. Thiên nhãn tác khởi tướng, nên không thấy pháp vô vi. Tuệ nhãn với tướng vô phân biệt, mà không phân biệt, cho nên không thấy. Nay Tự Tại Vương! Nếu Bồ-tát thấy tất cả pháp như vậy, có thể thấy Phật. Không vì sắc cho nên thấy, không vì thọ, tướng, hành, thức cho nên thấy, không vì các tướng cho nên thấy, không vì pháp, nên thấy, không vì giới, nên thấy, không vì định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nên thấy, không vì quá khứ, nên thấy, không vì vị lai hay hiện tại cho nên thấy. Người thấy như vậy mới gọi là thấy Phật.

Bồ-tát Tự Tại Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có sở duyên, Bồ-tát thấy các pháp như vậy, có thể thấy được Phật chăng?

Phật đáp:

–Có. Vì sao? Vì sắc là tướng tận, tánh không có sinh, cho nên thấy sắc như vậy, đây gọi là thấy Như Lai. Thọ, tướng, hành, thức là tướng tận, tánh không có sinh, nên thấy thọ, tướng, hành, thức như vậy, đây gọi là thấy Như Lai. Vì giới là tướng vô vi, vô tác, vô khởi, cho nên đã có thể thấy giới như vậy, đây gọi là thấy Như Lai. Định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến... cũng như vậy, đây gọi là thấy Như Lai.

Nay Tự Tại Vương! Vào quá khứ thời Phật Nhiên Đăng, ta được thấy Phật thanh tịnh; khi ấy, ta nhờ thấy được pháp duyên sinh, cho nên thấy pháp; do thấy pháp, nên thấy Như Lai.

Tự Tại Vương thưa:

–Trước thời Phật Nhiên Đăng, sao gọi là thấy chư Phật?

Phật đáp:

–Vì là đem tướng sắc thân để thấy, nên thấy; không dùng Pháp thân bất nhị để thấy, nên thấy. Nay vì ông mà nói: Ta từ lúc mới

phát tâm, chưa bao giờ thấy Phật. Vì sao? Vì không đem sắc tướng để thấy, nên gọi là thấy Phật. Thế nên, này Tự Tại Vương! Nếu Bồ-tát muốn được thấy Phật thì cũng như ta thấy Phật Nhiên Đăng. Vì các pháp là một tướng. Sao gọi là một tướng? Vì thân ta, thân Phật Nhiên Đăng đều cũng vậy, thân Phật Nhiên Đăng, thân ta cũng như vậy. Vì là một thân cho nên không hai, không phân biệt, nhập vào một pháp tướng. Đây gọi là thấy pháp duyên sinh; vì thấy pháp duyên sinh, nên gọi thấy pháp. Do thấy pháp, nên thấy Phật. Nếu Bồ-tát ở trong hết thấy niệm chứng diệt mà không thật diệt thì sinh tử không thể được, mà phải dùng trí phương tiện để chỉ bày. Đây gọi là trí tự tại của Bồ-tát.



## KINH BỒ-TÁT TỰ TẠI VƯƠNG

### QUYỂN HẠ

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là Đế trí của Đại Bồ-tát? Người cầu Thanh văn dùng đế pháp để chứng Thanh văn giải thoát. Bồ-tát tuy được đế này, nhưng không chứng giải thoát, gọi là tự tại. Người cầu Bích-chi-phật là dùng đế pháp, để chứng Bích-chi-phật giải thoát, Bồ-tát tuy được đế này, nhưng không chứng giải thoát, nên gọi là Tự tại.

Đế trí tức là tri kiến khổ đế hư vọng. Sao gọi là tri kiến khổ hư vọng? Không thật đặc, nên khổ, do điên đảo, nên có. Nếu Bồ-tát biết khổ không sinh, không khởi, là đã thấy Khổ đế.

Sao gọi là đoạn tập, các pháp tùy tập đoạn?

Sao gọi là tập? Tập là bình đẳng, nên đoạn cũng như vậy. Vì Tập không từ đâu đến; cho nên tập cũng không đi về đâu; vì vậy nên đoạn. Đó gọi là tánh của các pháp, trong đó, không có thật pháp. Sinh rồi sẽ đoạn, vì theo sự sai khiến của ái nên có tập, nếu như đoạn được ái rồi, gọi là đoạn Tập.

Sao gọi là khổ diệt đế? Là diệt khổ tập một cách rất ráo, nhưng không có pháp để hoại, đó là khổ diệt. Vì tất cả các duyên tướng diệt cho nên tất cả pháp diệt tướng cũng vậy. Trong đó, không sinh, không diệt cho nên gọi là Diệt đế.

Sao gọi là đạo đế? Tùy theo việc đem đạo nào để tìm cầu tất cả pháp bất đắc; hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi. Đây gọi là đạo đế. Đó là đạo bình đẳng, không phân biệt tất cả pháp, là đạo tịch diệt, lìa hết sự trói buộc của phiền não; là đạo an lạc lìa mọi ưa não; là đạo vô lậu, tất cả lậu tận; là đạo bất năng hành cho tất cả những hữu sở đắc; vì chánh hạnh thiền định là rất dễ tu hành; là đạo chư Phật đã không rời bỏ; là đạo dùng vô tướng để đoạn tất cả tướng. Cho nên dùng đạo như vậy thì không rơi vào hai. Đây gọi là đạo đế. Nếu Bồ-tát dùng phân biệt này, để biết Tứ đế thì gọi là đế trí. Nếu Bồ-tát trước đem Tứ đế để nói pháp cho những người cầu Thanh văn, Bích-chi-phật, mà đối với thừa này cũng không có chỗ tham đắm, gọi là Đế trí tự tại.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Bồ-tát biết Thanh văn thừa, không trụ trong đó; biết Bích-chi-phật thừa, không trụ trong đó; biết Phật thừa, cũng không trụ trong đó. Đây gọi là Đế trí tự tại.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Nếu dùng một tâm để biết tất cả tâm chúng sinh; dùng một tâm tánh để biết tất cả tâm tánh, nhưng đối với tâm trí, Bồ-tát không khởi nhị hành. Đây gọi là Trí tự tại.

Lại có Trí tự tại thấy biết đời quá khứ, nhưng không bị chướng ngại, tâm không đến đời quá khứ; thấy biết đời vị lai không bị chướng ngại, tâm không đến đời vị lai; thấy biết đời hiện tại không bị chướng ngại, tâm không đến đời hiện tại; không ở nơi đời quá khứ, hiện tại, vị lai mà sinh hý luận. Lại có Trí tự tại, biết tất cả pháp hữu vi đều bị diệt sạch, nhưng các căn lành không bị diệt. Bồ-tát biết pháp vô sinh, vẫn dùng nhiếp pháp hóa độ chúng sinh. Đây gọi là Trí tự tại.

Lại nữa, Bồ-tát biết tất cả pháp rốt ráo là diệt tướng, biết đó không từ nơi người khác chỉ bày. Nhờ dùng trí lực, tự mình không diệt để giáo hóa chúng sinh. Đây gọi là Trí tự tại.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát ở nơi đó, nếu muốn được sức trí tự tại để tự tại, nên tùy theo trí mà hành, chứ đừng theo ý hành. Sao gọi là ý hành? Tất cả ý nghiệp đều là ý hành. Tất cả thức nghiệp đều là ý hành. Tất cả tâm nghiệp đều là ý hành. Tất cả tâm chấp trước mà khởi các thiện căn cũng đều là ý hành. Rơi vào kiến chấp, mà hành bố thí; rơi vào tướng, mà trì giới; nương vào ngã để hành nhẫn; đều là ý hành. Ta là Bồ-tát là ý hành. Ta phát tâm Bồ-đề cũng là ý hành. Ta không cắt đứt hạt giống Phật, không đoạn hạt giống Pháp, không đoạn mất hạt giống Tăng; cũng là ý hành. Ta vì lợi ích chúng sinh, cho nên phát tâm cũng là ý hành. Ta sẽ độ cho những ai chưa được độ; giải thoát cho những ai chưa được giải thoát; an lạc cho những ai chưa được an lạc; diệt độ cho những ai chưa được diệt độ; tất cả đều là ý hành. Ta là thí chủ, ta là người trì giới, ta đã thực hành nhẫn, ta tu tinh tấn, ta hành định, ta trau dồi trí; tất cả đều là ý hành. Ta tu Từ, ta hành Bi, hành Hỷ, hành Xả, đều là ý hành. Ta là người thiếu dục, tri túc, vĩnh viễn rời xa hành, không có các tạp hạnh, tu hạnh Đầu-đà, A-lan-nhã, hành tế hạnh; còn phân biệt như vậy, đều là ý hành. Ta hành không, ta hành vô tướng, ta hành vô tác, còn phân biệt như thế, đều là ý hành. Ta nói lời chắc chắn, nói lời chân thật, làm đúng theo lời nói, đều là ý hành. Ta đã thoát khỏi các nghiệp ma, đã lìa bốn ma, ta cắt đứt mọi kiến chấp và đạt nhẫn nhục; còn phân biệt như vậy, đều là ý



hành. Ta sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân và hóa độ chúng sinh, với Niết-bàn vô dư mà Bát-niết-bàn; phân biệt như vậy, đều là ý hành.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là Trí nghiệp của Bồ-tát? Tùy theo chỗ hành không tâm ý thức, đó gọi là Trí nghiệp. Bồ-tát luôn khởi Trí nghiệp, chứ không khởi ý nghiệp.

Sao gọi là Trí nghiệp của Bồ-tát? Trí nghiệp của Bồ-tát có hai thứ: Một là thành tựu chúng sinh; hai là thọ trì chánh pháp.

Thế nào là thành tựu chúng sinh? Bồ-tát tùy theo sự hiểu biết mà thành tựu chúng sinh.

Thế nào là thọ trì chánh pháp? Nếu không thọ trì tất cả pháp thì gọi là thọ trì chánh pháp. Nếu thọ trì sắc thì không phải thọ trì chánh pháp; thọ trì thọ, tưởng, hành, thức thì không phải thọ trì chánh pháp. Nếu thọ trì các nhập, các tánh thì không phải thọ trì chánh pháp. Nếu thọ trì pháp thiện, pháp bất thiện thì không phải thọ trì chánh pháp. Nếu thọ trì tội, không tội, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, pháp thế gian và pháp xuất thế gian thì không phải thọ trì chánh pháp. Nếu thọ tướng bố thí, không phải thọ trì chánh pháp. Nếu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì không phải thọ trì chánh pháp. Vì sao? Vì còn bám duyên thí, đều không phải pháp, không phải thiện, không phải thọ trì chánh pháp. Vì sao? Vì pháp sở đắc của Như Lai là pháp vô tướng, vô ngại. Nếu còn bám duyên thì chẳng phải thọ trì chánh pháp. Trí trong việc hành dụng của Bồ-tát như vậy, nên gọi là trí nghiệp. Dùng trí này, làm trí nghiệp, trí ấy không bao giờ cùng tận; nên gọi là trí tự tại.

Này Tự Tại Vương! Thế nào là Tuệ tự tại của Đại Bồ-tát? Bồ-tát đạt được Tuệ tự tại có khả năng biết các pháp, có thể giải thích chương cú và đạt được bốn trí vô ngại. Đó là trí nghĩa vô ngại, trí pháp vô ngại, trí từ vô ngại và trí nhạo thuyết vô ngại.

Thế nào là trí nghĩa vô ngại? Đối với lời nói, Bồ-tát chỉ nương vào nghĩa, chứ không nương vào lời. Nghĩa tức là Chánh trí ở nơi tất cả pháp.

Sao gọi là Chánh trí? Nghĩa đó không thể nói. Nghĩa này trong lời nói không có tiếng khác. Từ xưa đến nay, lìa các tướng, nên gọi là nghĩa. Không nên lìa lời nói nương vào nghĩa, vì trong lời nói bình đẳng với tướng chính là nghĩa. Nếu biết như vậy, gọi là Trí nghĩa vô ngại. Thông đạt nghĩa của tất cả pháp, cũng gọi là Trí nghĩa vô ngại.

Thế nào là Trí pháp vô ngại? Vì Bồ-tát chỉ nương vào pháp chứ không nương vào phi pháp. Nương vào pháp, không thấy phi pháp. Vì

sao? Vì biết tất cả pháp là lìa tướng, chỉ có tên gọi mà thôi.

Lại nữa, pháp vô ngại là tuy nói ba thừa, nhưng không hoại pháp tánh. Vì sao? Vì pháp tánh là một tánh, nghĩa là vô tướng. Bồ-tát dùng lời nói để thuyết pháp, biết rằng lời nói, đồng với tiếng vang, hễ có nói pháp và có sự tin hiểu, đều đồng với pháp tánh. Ở nơi trí, ở nơi lời nói, không có chướng ngại, gọi là trí pháp vô ngại.

Thế nào là trí từ vô ngại? Vì biết ngôn từ của chư Thiên, biết ngôn từ của Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân; biết ngôn từ của Đế Thích, Phạm Thiên vương, Hộ thế, biết một tiếng, hai tiếng, nhiều tiếng, lời nói hẹp, nói rộng, tiếng trai, tiếng gái, tiếng phi nam, tiếng phi nữ, tiếng quá khứ, tiếng hiện tại, tiếng vị lai. Tùy theo từng loại, Bồ-tát dùng phương tiện ngôn từ để cho họ hiểu được, tự nói lời nói thanh tịnh vi diệu, không khinh hủy lời nói của người khác. Vì sao? Vì biết tất cả pháp không có ngôn từ. Bồ-tát nghĩ như vậy: “Đem ngôn từ để thuyết pháp, làm sao cho chúng sinh hiểu được, là pháp ở trong ngôn từ bất khả đắc, ngôn từ thì ở trong pháp cũng bất khả đắc. Từ xưa đến nay, không có ngôn từ; nếu có ngôn từ thì không nên đem ngôn từ, thien, để nói pháp bất thien. Vì thế nên biết, ngôn từ có biểu thị thien, ác.

Lại nữa, Từ vô ngại, là đem ngôn từ của chúng sinh, khiến chúng sinh hành pháp. Vì sao? Vì pháp bất hành pháp, có thể hành tất cả pháp như vậy. Dùng ngôn từ để diễn nói về việc hành này làm cho chúng sinh hiểu được. Đây gọi là Trí từ vô ngại.

Thế nào là Trí nhạo thuyết vô ngại? Nếu Bồ-tát đối với tất cả văn tự đều có thể nhạo thuyết; đối với tất cả âm thanh cũng nhạo thuyết, tất cả danh tự cũng nhạo thuyết. Đây gọi là nhạo thuyết.

Sao gọi là nhạo? Bồ-tát lúc nói pháp, phải ưa thích pháp, ưa thích chân thật, ưa thích sự chắc thật. Nếu người nào tin thích kinh thì vị họ mà nói kinh. Nếu người tin thích Kỳ-đà-già-đà, Tể-ca-lan-nại, Âu-đà-na, Ny-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đề-úc-đa-già, Xà-đà-già, Bùiphật-lược, A-phù-đà-đạt-ma thì đều vì họ mà nói pháp. Nếu người tin vui quá khứ thì nói bản sự; tất cả chúng sinh ham thích các căn cũng tùy theo sở thích đó mà nói pháp. Nếu người thích tín căn thì nhân nơi tín căn nói pháp. Người thích tấn căn thì nhân nơi tấn căn mà nói pháp. Người thích niệm căn thì nhân nơi niệm căn mà nói pháp. Người thích định căn thì nhân nơi định căn mà nói pháp. Người thích tuệ căn, nhân nơi tuệ căn mà nói pháp. Các căn như vậy, đều theo đó nói

pháp. Người nhiều dâm dục, phân biệt có hai vạn một ngàn, Đức Phật biết có tám vạn bốn ngàn căn, Như Lai nhân các căn này, đều có thể nhạo thuyết. Bồ-tát cũng nhân nơi căn ấy, mà nhạo thuyết. Người nhiều ngu si, phân biệt có hai vạn một ngàn, Phật biết có tám vạn bốn ngàn căn. Như Lai nhân nơi các căn này, đều có thể nhạo thuyết, Bồ-tát cũng nhân nơi căn ấy mà nhạo thuyết. Người phân biệt nhiều thứ có hai vạn một ngàn, Phật biết có tám vạn bốn ngàn căn, Như Lai nhân căn này mà nói pháp. Nay Tự Tại Vương! Đây gọi là trí nhạo thuyết vô ngại, đối với nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại này đều lấy tuệ làm gốc. Bởi vì tuệ là chỗ trụ, tuệ là chỗ thâm giữ, Bồ-tát nhờ tuệ lực này, mà dùng bốn tự tại và các tự tại khác, đều được tự tại.

Thưa Thế Tôn! Tuệ lấy gì làm căn bản? Trụ vào đâu và nơi nào là chỗ thuộc về?

Này Tự Tại Vương! Tuệ lấy đa văn làm căn bản, trụ vào đa văn và đa văn là chỗ thâm giữ?

Thưa Thế Tôn! Đa văn lấy gì làm gốc? Trụ vào đâu và đâu là chỗ thâm giữ?

Này Tự Tại Vương! Đa văn lấy Thiện tri thức làm căn bản, trụ vào Thiện tri thức và Thiện tri thức là chỗ thuộc về.

Thưa Thế Tôn! Thiện tri thức lấy gì làm căn bản? Trụ vào đâu và đâu là chỗ thuộc về?

Này Tự Tại Vương! Thiện tri thức lấy tâm cung kính làm căn bản, trụ vào tâm cung kính và tâm cung kính là chỗ thuộc về.

Thưa Thế Tôn! Tâm cung kính lấy gì làm căn bản? Trụ vào đâu và nơi nào là chỗ thuộc về?

Này Tự Tại Vương! Tâm cung kính lấy thâm tâm làm căn bản, trụ vào thâm tâm và thâm tâm là chỗ thuộc về.

Thưa Thế Tôn! Thâm tâm lấy gì làm căn bản? Trụ vào đâu và đâu là chỗ thuộc về?

Này Tự Tại Vương! Thâm tâm lấy chất trực làm căn bản, trụ vào chất trực và chất trực là chỗ thâm giữ.

Thưa Thế Tôn! Chất trực lấy gì làm căn bản? Trụ vào đâu và đâu là chỗ thuộc về?

Này Tự Tại Vương! Chất trực lấy đại Bi làm căn bản, trụ vào đại Bi và đại Bi là chỗ thuộc về?

Thưa Thế Tôn! Đại bi lấy gì làm căn bản? Trụ vào đâu và đâu là

chỗ thuộc về?

Này Tự Tại Vương! Đại bi lấy chúng sinh làm căn bản, trụ vào chúng sinh và chúng sinh là chỗ thuộc về. Tại sao? Vì Bồ-tát muốn độ tất cả chúng sinh, nên sinh tâm đại Bi, sinh tất cả trí tâm. Đây gọi là tuệ tự tại của Bồ-tát.

Lại nữa, Bồ-tát có trí tuệ tự tại, do tuệ tự tại nên ở nơi một pháp môn, hoặc một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp; tuy vào các thứ từ ngữ khác nhau mà rộng nói các pháp, ở nơi thật tướng không có chỗ trái mắt. Có lúc Bồ-tát không hiện thân ấy nhưng vì chúng sinh nói pháp, hoặc từ các lỗ chân lông mà diễn xuất pháp âm. Tùy theo sở hành của mỗi chúng sinh mà nói pháp. Hoặc Bồ-tát hiện thân để vì chúng sinh nói pháp, những việc đó, các Luận sư ngoại đạo không sao sánh kịp. Lại nữa, ngoại đạo tạo ra chú thuật Mạn-đà-la, các kinh Vi-đà, hoặc các luận ngữ, hoặc Bát truy, hoặc thần thông, hoặc các trí môn, hoặc nhật nguyệt ngũ tinh kinh, hoặc mộng kinh, hoặc địa động kinh, hoặc chú thuật Đà-ma-đà, hoặc kinh Ô Ngữ, hoặc kinh Điều thú, hoặc kinh rồng, Càn-thát-bà, Dạ-xoa nhập thân, hoặc kinh vương tướng, hoặc kinh Phong lạc cơ căn tướng, hoặc kinh Chư tinh du hý. Kinh thư trí tuệ như kỹ thuật, văn chương, toán số, sắc tướng, âm nhạc, ca múa, đàn, đàn tranh, sáo, âm thanh trầm bổng. Những loại ấy, Bồ-tát chỉ cần chuyển thân thì tự nhiên tại tâm đều thông đạt. Nhờ tuệ lực cho nên có thể biết được, có thể thị hiện và đều có thể thấu đạt. Bồ-tát tuy biết phương thuật như vậy, nhưng không làm não hại chúng sinh và cũng không cho đó là đạo thanh tịnh vi diệu.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát có trí tuệ tự tại, tuy cùng chung với trăm ngàn vạn các Phạm vương, cùng ở cùng ngôi, tự hiện thân cùng bàn luận với nhau, nhưng không tham đắm vào đức tướng quang minh của Phạm vương. Trái lại, còn được các Phạm vương nghênh đón với tấm lòng tôn trọng cung kính. Tuy ở trong tất cả Thiên cung hiện ra sức tự tại như vậy; nhưng cũng không tham đắm, mà chỉ sinh tưởng vô thường, khổ, không, vô ngã; nương vào pháp vô sinh, nương vào việc độ tất cả tâm chúng sinh; đó gọi là tuệ tự tại của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tự Tại Vương! Như quân ma, có các Thiên cung thì Bồ-tát có tuệ tự tại lại hiện các Thiên cung thù thắng hơn và tự hiện thân thù thắng hơn gấp trăm ngàn vạn lần của bọn ma, làm cho các ma sinh tâm khát ái, khởi lên tâm tham trước. Bồ-tát tự trang nghiêm bằng những thứ ấy để phá tâm kiêu mạn của ma, khiến cho chúng trụ vào Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi sau đó mới nói pháp.

Này Tự Tại Vương! Tuệ là pháp biến hành của Bồ-tát. Hoặc thí, hoặc nhận, hoặc đem bố thí để hồi hướng. Đối với các việc làm đó Bồ-tát đều phải cần dùng đến tuệ. Hoặc tự trì giới, hoặc dạy người khác trì giới, hoặc dùng sự trì giới để hồi hướng đối với những việc đó đều cũng phải dùng tuệ. Hoặc tu hạnh nhẫn, hoặc dạy người khác hành hạnh; hoặc đem nhẫn để hồi hướng, đối với những việc này cũng phải dùng tuệ. Hoặc tự thực hành tinh tấn, hoặc dạy người thực hành tinh tấn, hoặc đem tinh tấn để hồi hướng, đối với các việc đó, cũng phải dùng tuệ. Hoặc tự hành thiền, hoặc dạy người hành thiền, đem thiền để hồi hướng, đối với các việc này, cũng phải dùng tuệ. Hoặc đọc tụng kinh hay thuyết pháp cho người khác, hoặc phải nghe những gì cũng phải dùng tuệ chánh niệm. Tất cả mọi cử chỉ như đi, đứng, nằm, ngồi, tất cả nghi pháp, tất cả mọi xả tâm, đều phải dùng tuệ. Bồ-tát có tuệ lực, tức là có tất cả sức pháp thiện làm tăng thượng tuệ của Bồ-tát. Đối với tất cả pháp đạt được tăng thượng tự tại. Tuệ tự tại của Bồ-tát đối với tất cả pháp, có thể hành tự tại. Bồ-tát nắm giữ tuệ lực thì như Phật có thể kháng trừ ma quân. Một khi, Bồ-tát có được tuệ tự tại rồi, tùy hành các pháp nhưng không dụng sức. Như người bắn tên, không cần đến sức của cây cung nữa. Bồ-tát cũng như vậy, do dùng tuệ lực, nên khiến trí tự tại nhập vào các pháp thiện. Lúc ngồi ở đạo tràng, Bồ-tát được trí lực, nhờ lực này, nên có thể dùng tay phải chấn động mười phương thế giới, phá đại quân ma. Được mười Lực của Phật, Bồ-tát dùng mười Lực này hàng phục hết tất cả hàng trời, người.

Này Tự Tại Vương! giới tự tại, thần thông tự tại, trí tự tại và tuệ tự tại này, nếu người không gieo trồng căn lành thì không thể nghe kinh này. Tự Tại Vương! Nếu người nghe kinh này mà sinh tâm vui thích, nên biết người ấy, đã được bốn tự tại, rồi dùng tự tại này mà hiện ra lực tự tại. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật đều không có các tự tại này.

Nghe Phật nói như thế, Bồ-tát Tự Tại Vương tâm sinh hoan hỷ, chắp tay lễ kính, chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, mắt không rời, nói lời như vậy: Thưa Thế Tôn! Nay Đức Thế Tôn dùng bốn tự tại lực, tất cả chúng sinh cũng sẽ được bốn tự tại lực này.

Đợi cho Tự Tại Vương dứt lời; Đức Phật liền dùng thần lực khiến cho Tự Tại Vương có đủ loại sắc đẹp, hương hoa đưng đầy đầy, đem rải trên Đức Phật và các vị Bồ-tát, các loại hoa rải đó đều biến thành vàng ròng, thân trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt. Đồng thời trong hư

không, trăm ngàn vạn ức chư Thiên cùng đồng cất tiếng khen: “Nếu có chúng sinh tin thọ bốn lực tự tại này, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các chúng sinh này đem sự trang nghiêm của Phật để trang nghiêm cho chính mình. Vì sao? Vì bốn tự tại này đều tùy vào tâm Nhất thiết trí. Thưa Thế Tôn! Nếu Thế Tôn xưa không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các chúng sinh, làm sao nghe được tất cả các kinh tự tại không thể nghĩ bàn như vậy.”

Các Thiên tử nói lời ấy rồi; Đức Phật bảo Bồ-tát Tự Tại Vương: Ta nhớ đời quá khứ, ở trước Phật Nhiên Đăng, Đức Phật thứ bảy mươi, hiệu Phổ Tịnh Quang Vương Như Lai, cũng rộng nói bốn pháp tự tại này, lúc đó có Bồ-tát tên Trí Hạnh Túc, cũng đem pháp này hỏi Phật. Khi Phật nói pháp này, tám ngàn Bồ-tát được bốn tự tại và pháp Nhẫn vô sinh, ba vạn hai ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây Tự Tại Vương! Lúc đó, ta mới nghe được bốn tự tại này, nghe rồi thọ trì, đến thời Phật Nhiên Đăng, mới được đầy đủ. Thế nên, Tự Tại Vương, hoặc đời này hay sau khi ta diệt độ, nếu có người nhất tâm cầu Phật đạo, thọ trì kinh này thì nên biết, người ấy sẽ mau đạt pháp Nhẫn vô sinh. Lúc nói kinh Tự Tại Vương này, ba vạn hai ngàn trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các Thiên tử đem trăm ngàn kỹ nhạc, mưa hoa trời, để cúng dường Đức Phật. Nhờ thần lực của Phật, nên từ các kỹ nhạc đó phát ra âm thanh như vậy: “Nếu có chúng sinh nghe kinh Tự Tại Vương này, tin hiểu thọ trì thì nên biết người ấy có các căn thông minh, lanh lẹ, trí tuệ rộng khắp, luôn vui thích với pháp Phật, lúc nào cũng được Thiện tri thức hộ trì, đã gieo trồng rất nhiều thiện căn và thường hành đại Bi đối với các chúng sinh.”

Khi ấy, Bồ-tát Tự Tại Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn có mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, vậy Bồ-tát có mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng không?

Phật đáp:

–Đây Tự Tại Vương! Có Bồ-tát A-bệ-bạc-trí tu tập từ lâu, đã đạt được pháp Nhẫn vô sinh, đang trụ ở địa tám sắp bước sang Địa thứ chín, vì được sự giữ gìn của phương tiện Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát như vậy, có thể thành tựu đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy và mười tám pháp Bất cộng của Phật. Đây Tự Tại Vương! Thế nào là mười Lực của Bồ-tát? Vì Nhất thiết trí mà phát tâm sâu xa, vững chắc, đấy

là lực thứ nhất. Đầy đủ tâm Từ, không rời bỏ tất cả chúng sinh, đây là lực thứ hai. Không mong cầu tất cả lợi dưỡng, xả bỏ hết mọi trang sức tốt đẹp của thế gian và đầy đủ Từ bi, đây là lực thứ ba. Tin vào tất cả pháp Phật và có khả năng thành tựu được pháp này, tâm không thoái chuyển đầy đủ sức tinh tấn, đây là lực thứ tư. Hành niệm an tuệ, không hoại oai nghi phép tắc và trụ vào định bất động, đây là lực thứ năm. Lìa nhị biên, tùy thuận với pháp duyên sinh, đoạn mọi kiến chấp, tránh xa việc hý luận và đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, đây là lực thứ sáu. Vì muốn thành tựu chúng sinh, cho nên chịu vô lượng sinh tử, luôn tu tập thiện đức không bao giờ nhàm chán, hiểu rõ pháp hữu vi như mộng, đối với sinh tử không biết mệt mỏi, đây là lực thứ bảy. Quần tướng các pháp không có ngã, không có nhân, không có chúng sinh, tin hiểu pháp không sinh không khởi, luôn vui với pháp vô sinh và pháp Nhẫn vô sinh, đây là lực thứ tám. Nhập vào pháp không, vô tướng, vô tác, quán các môn giải thoát và đạt được Thanh văn, Bích-chi-phật, giải thoát, giải thoát tri kiến, đây là lực thứ chín. Được pháp thâm diệu mà không từ nơi trí của người khác và quán tâm sở hành của tất cả chúng sinh, đầy đủ trí vô ngại, đây là lực thứ mười. Đây Tự Tại Vương! Đây gọi là mười Lực của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Thế nào là bốn vô sở úy của Bồ-tát? Bồ-tát đạt được Đà-la-ni và có khả năng thọ trì những gì đã nghe, luôn luôn giữ chánh niệm, thuyết pháp giữa đại chúng mà không có sợ hãi. Tùy theo sự tin hiểu của tất cả chúng sinh mà Bồ-tát nói pháp, cũng như tùy bệnh mà cho thuốc. Thấy biết các căn của tất cả chúng sinh, tùy theo sự thích ứng của họ mà nói pháp. Ở giữa đại chúng không chỗ sợ hãi, là Bồ-tát ở trong chúng nói pháp không có nghi nan, không có phương Đông, phương Nam, phương Tây và phương Bắc. Có người đến hỏi ta, ta không đáp ngay, cho đến không thể hiện ra vẻ gì sợ cả. Cứ mặc tình cho chúng sinh vấn nạn, rồi ta sẽ lần lượt trả lời theo từng câu hỏi đó, nhưng không có sợ hãi. Khéo léo đoạn các mối nghi, thuyết pháp giữa đại chúng nhưng không có sợ hãi. Đây Tự Tại Vương! Đây là bốn vô sở úy của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Thế nào là mười tám pháp Bất cộng của Bồ-tát? Từ xưa đến nay, Bồ-tát tự thực hành bố thí mà không có ai bảo rằng: “Ông nên thực hành bố thí, tu hạnh xả tâm.” Nếu ma hiện ra hình Phật, đến nói với ông: “Ông làm việc bố thí, sẽ đọa vào địa ngục.” Nghe thế mà Bồ-tát sinh tâm hối hận thì không có việc đó. Lúc nào cũng vui vẻ và sẵn lòng xả tất cả phần để bố thí. Với việc bố thí này

chỉ mong đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ không cầu quả báo, vì lợi ích chúng sinh. Đây là pháp Bất cộng thứ nhất của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát tự trì giới, chứ không có ai bảo trì, tuy không gặp Phật cũng không theo người khác thọ giới. Bồ-tát khéo hộ trì tất cả các giới, luôn vui với việc trì giới, nghĩa là tuy là tại gia, nhưng vẫn hết lòng phụng trì như trong giới đã dạy. Nếu như xuất gia thì cũng như giới kinh đã dạy, không phải cần có người hướng dẫn, nhưng vẫn đi cúng dường, cho đến không vì thọ mạng hay các duyên mà phá giới, thọ trì các giới đều thuận với Bồ-đề, là muốn đoạn sự phá pháp giới của chúng sinh. Đây là pháp Bất cộng thứ hai của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Nếu người bản cùng hạ tiện và Chiên-đà-la, những kẻ thợ thuyền sân hận dùng những lời ác độc mạ nhục, cắt xẻ từng phần thân thể, nhưng Bồ-tát vẫn không bị lay động, trái lại còn sinh tâm Từ làm tươi nhuận các chúng sinh ấy. Mặc dù Bồ-tát có đủ năng lực có thể báo oán, nhưng không gia hại như vậy, chỉ nương vào pháp, nghĩ rằng: Ta nhờ vào duyên pháp Phật cho nên nhẫn thọ được khổ này, đây cũng là nhờ vào người này mà tâm ta được thiện tịnh, phát đại trang nghiêm. Đây là pháp Bất cộng thứ ba của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát tuy gặp cấp nạn nhưng vẫn luôn tinh tấn, không biếng nhác, trọn đời không sinh tâm thoái chuyển. Nếu Bồ-tát thấy Thanh văn nhập Niết-bàn thấy khổ não ở đời mà đối với pháp diệt độ của Thanh văn, tâm không ham thích, hoặc thấy Bích-chi-phật diệt độ, lại thấy khổ não của sinh tử mà đối với pháp Niết-bàn của Bích-chi-phật, tâm không ham thích. Nếu thấy chư Phật đã thành tựu việc lợi ích lớn, pháp Phật đầy đủ, nhập vào Niết-bàn, tự thấy chính mình, chưa được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật và các pháp Phật khác. Đối với pháp ấy, tâm không thoái chuyển, trái lại còn siêng năng thực hành tinh tấn và quyết định rằng: “Ta sẽ ở nơi Niết-bàn của Đại thừa mà thủ chứng diệt độ. Đây là pháp Bất cộng thứ tư của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát nếu làm Chuyển luân vương, hoặc làm Đế Thích, hoặc làm ma vương được trăm ngàn cung nữ hầu hạ, trở lên kỹ nhạc trời, tuy hưởng thọ đủ mọi dục lạc nhưng đối với thiền định và vô lượng tâm lúc nào cũng được hiện tiền. Bồ-tát luôn xa lìa chỗ ồn ào náo nhiệt, thường sinh tưởng sợ hãi đối với sinh tử, sinh tưởng bất tịnh đối với năm dục, sinh tưởng thù oán đối với năm ấm, sinh tưởng rắn độc đối với bốn đại, sinh tưởng không tự đối với các nhập, sinh tưởng giặc oán đối với quyến thuộc, ở trong cung điện được các thị nữ hầu hạ,



nhưng lại sinh tưởng như ở chỗ tử thi, lúc nào cũng mong cầu hành pháp, mong cầu thấy Phật, mong độ tất cả chúng sinh. Còn đối với tiếng kỹ nhạc chỉ nghe nó phát ra âm thanh thiền định, có lúc ma ngăn chặn tiếng ấy đi, nhưng nhờ vào căn lực thiện căn ở đời trước, cho nên nghe được tiếng Phật, tiếng Pháp tiếng Tăng phát ra từ hư không. Nghe tiếng này rồi, Bồ-tát vứt bỏ hết mọi thứ vui tự do của thế gian, xuất gia vào rừng. Đây là pháp Bất cộng thứ năm của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát đối với thiền định của thế gian, không sinh tưởng bền chắc, dùng trí phân biệt để lìa xa các kiến chấp, chỉ nương vào pháp, nương vào nghĩa pháp Bất cộng này, cho đến trong giấc mộng không sinh ngã kiến, không sinh pháp kiến. Bồ-tát không bị các kết trói buộc sai khiến, lìa xa mọi nghi hối, cho đến các ma không thể che lấp và làm cho Bồ-tát phải nghi hối mà xa lìa chánh pháp. Vì muốn thành tựu chúng sinh, có lúc Bồ-tát lại phá oai nghi mà không có nghi, hối. Đây là pháp Bất cộng thứ sáu của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Từ xưa đến nay, Bồ-tát được thân thanh tịnh, tránh xa việc sát sinh, không dùng tay chân, đao gậy ngói đá làm não hại chúng sinh, thậm chí không cầm đến đao gậy, mà còn nuôi chúng được no đủ không để thiếu thốn. Bồ-tát đối với một cọng cỏ không cho không được lấy, trên bấu có đầy cả mặt đất đi chẳng nữa vẫn không sinh tâm tham, dù có đói khát, nghèo cùng khốn khổ cho đến chết cũng không nuôi sống bằng tà mạng, thường tu phạm hạnh, cho đến tâm tưởng không nghĩ đến năm dục, xa lìa mọi não hại của dục, không vì năm dục mà làm phi pháp, luôn lấy trí tuệ làm đầu và thành tựu thân nghiệp. Đây là pháp Bất cộng thứ bảy của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát với khẩu nghiệp thanh tịnh, luôn nói lời chân thật, lời nói đi đôi với việc làm, không lừa dối chính mình, không lừa dối chư Phật, chư Thiên, Rồng, Thần, Trời, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân... Bồ-tát không nói hai lưỡi, đối với bà con quyến thuộc luôn thân yêu chung thủy không rời xa nhau. Bồ-tát không ác khẩu, thường nói lời dịu dàng thương yêu, không nói ra những lời ác, lời thô lậu, mà chỉ nói lời có lý, lời an lạc, lời nói phải có ý tứ vui vẻ hòa hợp. Đối với những lời ác khẩu, lời thô lậu và ngôn ngữ xâm phạm khắc khổ, những lời ấy người không muốn nghe, làm não hại chính mình và gây ra não hại người khác, đối với các ngôn ngữ như thế Bồ-tát không nên nói ra. Bồ-tát không nói lời vô nghĩa, hễ có thì nói có, không thì nói không. Do thâm tâm thanh tịnh cho nên khẩu nghiệp được thanh tịnh.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát được pháp Bất cộng này, đời đời sinh ra luôn nói lời đúng như pháp, có thể đem lời này làm cho người bất tịnh được thanh tịnh, còn người đã thanh tịnh rồi thì làm cho khởi lên tâm lễ kính cung phụng. Nhờ vào tâm tâm và pháp Bất cộng này, cho nên được thật ngữ, hễ có nói ra điều gì cũng đều chân thật không có hư dối. Đây là pháp Bất cộng thứ tám của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Chính tâm Bồ-tát được tự tại thì mới được hạnh tự tại. Bồ-tát không tham lam tài vật của người khác, không nổi lên sân giận làm náo hại chúng sinh, luôn thực hành chánh kiến. Nơi tâm Bồ-tát không có tâm đả đả, trọn không có quên mất, Bồ-tát luôn xa mọi tâm dối trá không ngay thẳng, ngày đêm thường hành thiện tịnh từ tâm. Đây là pháp Bất cộng thứ chín của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Nơi mà Bồ-tát sinh ra, tất cả kinh thư, chú thuật, y phương, toán số đều là tối thượng cả. Bồ-tát không cần đến sự hướng dẫn của thầy dạy, nhưng tự biết và đều có thể thấu đạt. Cũng ở trong pháp thế gian và xuất thế gian mà có được trí tuệ không phải từ nơi tuệ của người khác. Lại nữa, Bồ-tát không nghe theo ai hay góp nhặt lời của người khác, luôn được sự chiêm ngưỡng của hàng trời, người, còn như có nói ra điều gì cũng tùy theo sở học. Đây là pháp Bất cộng thứ mười của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát vì chúng sinh mà trị liệu các chứng bệnh, nhưng không cầu lợi dưỡng; lấy đại Bi làm đầu. Lúc Bồ-tát trị bệnh, lại phát tâm nguyện: “Sẽ đưa chúng sinh ra khỏi pháp thế gian, diệt các khổ não để đến Niết-bàn.” Đây là pháp Bất cộng thứ mười một của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát không mong cầu hay ước nguyện địa vị Chuyển luân thánh vương hoặc chỗ của Thích, Phạm Thiên vương. Tuy Bồ-tát không mong cầu, nhưng vẫn được. Vì sao? Vì Bồ-tát hành đạo chứ không vì thân sắc đoan nghiêm, cũng không vì địa vị hiển vinh được danh tiếng, được ca ngợi trong thế giới quyền thuộc. Những phước báo như thế, không mong cầu vẫn có. Đây là pháp Bất cộng thứ mười hai của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát ở chỗ tôn quý, sống lâu như chư Thiên, luôn được thấy Phật đến ủng hộ và khuyến khích, phải cố gắng phát tâm thực hành hạnh này, người hành nghiệp này thì có thể đến Bồ-đề. Đó là pháp tiến tới hay thoái lui; hành giả như vậy thì các căn tùy thuận với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, luôn được các thiên thần tạo

mọi thiện nghi, khuyến khích phát tâm như vậy, để khởi đi ngược lại với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là pháp Bất cộng thứ mười ba của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Nếu có người hung ác, sân giận, nhưng khi thấy thân, khẩu, ý của Bồ-tát, không thể tăng thêm tâm ác, mà lại được tâm thiện tịnh. Nếu có người làm não hại Bồ-tát thì Bồ-tát vẫn nhẫn chịu, chứ không báo thù và còn làm đối phương được thiện, quay về chánh pháp. Nếu có chúng sinh xâm hại Bồ-tát; Bồ-tát không để chúng sinh phải đọa vào đường ác. Vì sao? Vì từ xưa đến nay, Bồ-tát đầy đủ nguyện thiện tịnh bất cộng. Nếu có chúng sinh đem thân, khẩu, ý xâm hại Bồ-tát, không vì việc đó mà Bồ-tát để cho chúng sinh ấy đọa vào đường ác. Do Bồ-tát trì giới thanh tịnh, cho nên tùy nguyện đều được. Đây là pháp Bất cộng thứ mười bốn của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Hoặc có chúng sinh tham lam, keo kiệt, không tin, không thấy hành nghiệp, không tin quả báo, không biết Phật, Pháp, Tăng. Đối với các Sa-môn, Bà-la-môn tâm không thiện tịnh, không biết lễ kính, nghe đến những lời các vị nói, không hề sinh tôn trọng, không sinh ý tưởng hy hữu. Nhưng khi thấy được thân, khẩu, ý và sự hành trì oai nghi, bàn luận giáo pháp của Bồ-tát này thì tâm liền được thanh tịnh, tùy thuận, tôn trọng kính lễ cho là hy hữu. Vì sao? Vì Bồ-tát được pháp Bất cộng này. Đây là pháp Bất cộng thứ mười lăm của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Nếu các bậc thầy của tất cả hàng Trời, Rồng, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, chư Tiên, đại nhân, Bà-la-môn... khi thấy Bồ-tát này, liền sinh ý tưởng tôn sùng. Trong khi danh xưng của các người này rất tối thắng, lại là thầy của các hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Tiên, Nhân, Bà-la-môn... mà đã đến gặp Bồ-tát, liền cúi đầu kính lễ, cúng dường và chịu sai bảo, các đệ tử của các thầy ấy cũng kính lễ tôn trọng nghênh đón, với tâm niệm tôn kính tối thắng. Đây là pháp Bất cộng thứ mười sáu của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát ở trong nước hay làng xóm, thành ấp đều có thể tu pháp thiện và tránh xa pháp bất thiện; có khả năng hóa độ chúng sinh, hộ trì chánh pháp. Nơi mà Bồ-tát sinh ra, thường được chánh kiến, còn nơi cha mẹ sinh thường được sư trưởng lễ kính tôn trọng, chúng sinh trong nước khi mạng chung, không bị đọa đường ác. Vì sao? Vì Bồ-tát đem pháp thiện giáo hóa chúng sinh khiến họ tạo phước, nên sau khi mạng chung, đều được sinh vào cõi trời hay cõi người. Đây là pháp Bất cộng thứ mười bảy của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Bồ-tát tùy thuận tất cả pháp trợ đạo, đầy đủ các minh thần thông. Do đó, làm cho quân ma không được tiện lợi. Đây là pháp Bất cộng thứ mười tám của Bồ-tát.

Này Tự Tại Vương! Sao gọi là pháp Bất cộng? Vì Bồ-tát luôn tùy thuận tất cả pháp Phật. Pháp này đối với hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mới phát tâm không thể có được hưởng gì hàng phàm phu.

Khi ấy, Bồ-tát Tự Tại Vương bạch Phật:

–Thật là hy hữu, thưa Thế Tôn! Hôm nay, Đức Thế Tôn đã ban đại trí pháp minh vô lượng pháp quang cho các Bồ-tát. Con đã hiểu được nghĩa lý Phật nói. Có những Bồ-tát thích nghe kinh này, không thích các kinh khác; hoặc có người nghe kinh này; nghe rồi, thọ trì đọc tụng các pháp Phật, hoặc có người đã thọ trì kinh này, rồi vì người khác mà diễn nói, nghĩa là người này có khả năng đem chánh pháp của Phật để thành tựu chúng sinh. Nếu người chân chánh huân tập kinh này tức là chân chánh huân tập tất cả pháp Phật. Nếu ai đạt được nhãn từ nơi kinh này thì gọi là thuận nhãn, còn nếu ai thực hành những lời dạy trong kinh này thì là tùy thuận tất cả pháp hành.

Thưa Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát không lìa kinh này thì nên biết người này đã được các minh thần thông, đã ngồi nơi đạo tràng.

Phật bảo:

–Theo như lời ông mới nói, nếu có người không lìa kinh này thì nên biết người ấy được các minh thần thông và ngồi nơi đạo tràng.

Này Tự Tại Vương! Vào thời quá khứ, trước Phật Nhiên Đăng, trước Phật Oai Đức, Phật Đề-sa, Phật Phất-sa, Phật Quang Minh. Lại có Phật hiệu Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới của Đức Phật ấy trang nghiêm thanh tịnh, vui vẻ, phiền tịnh, trời, người đông đúc, đất đai bằng phẳng hoàn toàn bằng chất lưu ly, hoa sen bằng vàng Diêm-phù đàn mọc khắp trên đất ấy, cánh hoa mềm mại, trơn láng cũng như thiên y. Người thời đó thân hình cao thấp, cuộc sống có những vườn rừng, ao tắm, vui chơi du ngoạn, tất cả đều giống như ở cõi trời Đâu-suất. Hễ muốn ăn uống thì các thức ăn uống liền có, những món ăn uống đó không khác gì ở chư Thiên, chỉ khác về tên gọi. Trong tam thiên thế giới đó thì Phật là vị Pháp Vương, thế nên hiệu của Đức Phật ấy là Thiên Vương. Như Chuyển luân vương ngồi nơi chánh tòa đem pháp

giáo hóa dân chúng, không ai là không thuận theo. Đức Thiên Vương Như Lai cũng lại như vậy, ngồi nơi tòa Sư tử diễn thuyết chánh pháp cho tất cả hàng trời, người, đại chúng ngồi ở phương Đông, Tây tám vạn bốn ngàn do-tuần, Nam Bắc cũng bốn vạn do-tuần. Lúc Đức Thiên Vương Như Lai thuyết pháp vang đến tam thiên đại thiên thế giới, các hàng trời, người ấy hết lòng tôn trọng tán thán, hành pháp vô thượng, lấy pháp để cúng dường. Chúng sinh ở cõi ấy không thích pháp thấp, mà chỉ thích pháp Phật, không có danh hiệu Thanh văn, Bích-chi-phật, huống gì là người phát tâm thực hành, chỉ có Bồ-tát làm quyến thuộc. Cõi ấy không có phụ nữ, cũng không nghe đến tên dâm dục, tất cả đều ngồi kiết già trong hoa sen tự nhiên hóa sinh và chỉ thích ba pháp: Một là thích muốn thấy Phật, hai là thích muốn nghe pháp, ba là thích quán các pháp và muốn lìa hành nghiệp. Các chúng sinh ấy, siêng tu tập kinh pháp, không buông lung, phước tuệ đầy đủ, sống đến vô lượng a-tăng-kỳ kiếp; sau khi mạng chung sẽ được sinh thiên, hay đến cõi Phật khác. Có Bồ-tát, lúc sắp nhập diệt, liền bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, lớn tiếng: “Ta ở cõi này, nay sắp nhập diệt.”

Lúc đó, các Bồ-tát nghe tiếng này rồi, liền cùng nhau hội hợp lại, để thử xem pháp nhãn của vị Bồ-tát ấy hỏi: “Những pháp nào diệt? Những pháp nào sinh?”

Giữa đại chúng, vị Bồ-tát này trả lời: Trong đó không có pháp nào diệt, không có pháp nào sinh. Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết tất cả pháp không diệt không sinh. Vì sao? Vì sắc không diệt không sinh; thọ, tưởng, hành, thức không diệt không sinh, lại không có pháp nào khác, mà nhất định có thể được, hoặc ngã, hoặc chúng sinh, hoặc thọ mạng.

Diệt là sinh vậy, Như Lai chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, biết tất cả pháp đều không, không tướng; pháp không, không tướng đó thì không diệt không sinh; các pháp đều ly tế, không tác tế, không khởi tế, không sinh tế, Phật chứng từ nơi ấy. Như vậy, các tế cũng không diệt không sinh. Diệt gọi là chúng duyên ly. Sinh gọi là chúng duyên hợp; mà chúng duyên đó cũng không sinh, không diệt.

Sau khi Bồ-tát nói pháp rồi, liền nhập diệt; nhưng không thấy có tro, có khói, mà lại sinh đến một phương khác, hiện ra trước Phật Thiên vương và các Bồ-tát này, không đắp ca-sa, mà tất cả đều mặc áo thanh tịnh vi diệu của chư Thiên, cũng không có kết giới, luôn tùy thuận với thế nơn và đều được pháp Nhẫn vô sinh. Đức Phật ấy, tuy không vì chúng sinh rộng nói các pháp; nhưng các căn của chúng sinh đó vẫn

thông minh lanh lẹ, chỉ nói ít là ngộ ngay. Nếu Phật Thiên vương diễn nói pháp cho các Bồ-tát thì các hàng trời, người kia đều biết. Hoặc có người được pháp nhãn, hoặc có người đạt Đà-la-ni, hoặc có người được nhạo thuyết vô ngại, hoặc được các Tam-muội.

Này Tự Tại Vương! Danh xưng của Phật Thiên vương, vang khắp cả mười phương. Ở trong tất cả hàng trời, người rộng giảng về kinh Bốn Tự Tại này; bảy vạn hai ngàn Bồ-tát được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, riêng Bồ-tát Tịnh Quang không được thọ ký liền nghĩ như vậy: “Nay các Bồ-tát này đều được thọ ký. Nói về việc trì giới, hành oai nghi, hành đạo niệm tuệ, phương tiện thần lực, Tam-muội Đà-la-ni thì không thể hơn ta. Vậy thì vì duyên gì, đều được thọ ký, còn ta sao lại không được?”

Biết được tâm niệm đó, Đức Phật Thiên vương liền bảo Tịnh Quang: Này thiện nam! Đời vị lai có Phật ra đời hiệu là Nhiên Đăng, Đức Phật ấy sẽ thọ ký cho ông.

Nghe Phật dạy thế, Bồ-tát Tịnh Quang với tâm vui mừng, liền bay lên hư không, nói: “Quá hăng hà sa kiếp sẽ có Phật Nhiên Đăng xuất hiện, nên biết, lúc đó ta được thọ ký thành Chánh đẳng giác. Vì sao? Vì lời của chư Phật nói ra, không bao giờ hư dối, mà chỉ nói lời chân thật.”

Này Tự Tại Vương! Ông có biết không? Bồ-tát Tịnh Quang đâu phải người nào xa lạ, chính là ta đây. Từ đó đến nay, ta được gặp Phật Quang Minh và nghe pháp ấy từ nơi Đức Phật này, nghe rồi thọ trì đạt được Tam-muội Quang ẩn. Từ đó về sau, lại gặp Phật Phát-sa, ta nghe pháp này từ nơi Phật ấy, nghe rồi thọ trì và được Tam-muội Chứng minh. Từ đó về sau, lại gặp Phật Đề-sa, ta nghe pháp này, từ nơi Đức Phật ấy; nghe rồi thọ trì và được Tam-muội Chiếu minh. Từ đó về sau, lại gặp Phật Oai Đức, ta nghe pháp này từ nơi Phật ấy, nghe rồi thọ trì và được thuận với pháp nhãn. Từ đó về sau, lại gặp Phật Nhiên Đăng và đạt pháp Nhãn vô sinh từ nơi Đức Phật ấy, cũng từ Đức Phật ấy, ta chứng bốn tự tại. Đó là giới tự tại, thần thông tự tại, trí tự tại và tuệ tự tại.

Này Tự Tại Vương! Do duyên đó, cho nên trong đời này, hay sau khi ta diệt độ; nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Bồ-tát thừa, sẽ được nghe kinh này, nghe rồi phải thọ trì, nên biết những người này, mau đạt được chân trí Bồ-đề và đạt bốn tự tại có khả năng chuyển pháp luân và được tuệ quang từ trong chánh pháp vô thượng của Phật.

Khi Phật nói kinh này, có một vạn sáu ngàn Bồ-tát được pháp Nhãn vô sinh. Một vạn hai ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, trăm ngàn vạn chư Thiên hoan hỷ và nói:

–Nơi nơi, chốn chốn, hễ có nói kinh này thì nên biết nơi ấy chính là Phật. Nếu có chúng sinh nghe kinh này, nên biết người ấy thiện căn rất sâu dày.

Khi ấy Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và cách thọ trì ra sao?

Phật đáp:

–Kinh này tên là Thần Lực Bốn Tự Tại ông nên như vậy mà phụng trì.

Lúc Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Tự Tại Vương, A-nan và tất cả trời, người được nghe Phật dạy, đều hoan hỷ thọ trì.

